

Số: /BC-UBND

Tủa Chùa, ngày tháng năm 2024

## BÁO CÁO

### Tình hình thực hiện nhiệm vụ thu, chi ngân sách địa phương 9 tháng đầu năm, nhiệm vụ, giải pháp điều hành dự toán thu, chi 3 tháng cuối năm 2024

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước; Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 2035/QĐ-UBND ngày 11/12/2023 của UBND tỉnh Điện Biên về việc giao dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 57/NQ-HĐND ngày 15/12/2023 của HĐND huyện Tủa Chùa về dự toán và phân bổ ngân sách địa phương năm 2024; Quyết định số 3208/QĐ-UBND ngày 19/12/2023 của UBND huyện Tủa Chùa về việc giao dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 06/NQ-TTHĐND ngày 05/02/2024 của Thường trực HĐND huyện Tủa Chùa về việc điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách năm 2024; Quyết định số 138/QĐ-UBND ngày 05/02/2024 của UBND huyện Tủa Chùa về việc điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách năm 2024.

UBND huyện Tủa Chùa báo cáo tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách địa phương (NSĐP) 9 tháng đầu năm, nhiệm vụ, giải pháp điều hành dự toán thu, chi 3 tháng cuối năm 2024, cụ thể như sau:

### Phần I

### TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2024

#### A. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

Tổng thu ngân sách địa phương thực hiện 8 tháng đầu năm 671.474 triệu đồng, trong đó ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp 669.900 triệu đồng, đạt 90% dự toán huyện giao; ước thực hiện cả năm 892.094 triệu đồng, đạt 119%; so với cùng kỳ năm 2023 tăng 19%, cụ thể như sau:

#### I. Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn

Tổng thu NSNN trên địa bàn thực hiện 8 tháng đầu năm 17.307 triệu đồng, đạt 100% dự toán giao. Trong đó: Thu ngân sách trên địa bàn huyện và xã hưởng 15.733 triệu đồng, đạt 102% dự toán giao; ước thực hiện cả năm 20.565 triệu đồng, đạt 119% dự toán huyện giao; so với cùng kỳ năm 2023 bằng 81%.

***Chi tiết các khoản thu như sau:***

**1. Thu từ khu vực CTN, dịch vụ ngoài quốc doanh:** Thực hiện 8.413 triệu đồng, đạt 97% dự toán giao; ước thực hiện cả năm 9.351 triệu đồng, đạt 97% dự toán giao; so với cùng kỳ năm 2023 bằng 99%.

**2. Lệ phí trước bạ:** Thực hiện 2.201 triệu đồng, đạt 87% dự toán giao; ước thực hiện cả năm 2.520 triệu đồng, đạt 100% dự toán giao; so với cùng kỳ năm 2023 bằng 84%.

**3. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp:** Thực hiện 22 triệu đồng, đạt 45% dự toán giao; ước thực hiện cả năm 50 triệu đồng, đạt 100% dự toán giao; so với cùng kỳ năm 2023 bằng 71%.

**4. Thuế thu nhập cá nhân:** Thực hiện 1.174 triệu đồng, đạt 90% dự toán giao; ước thực hiện cả năm 1.310 đồng, đạt 100% dự toán giao; so với cùng kỳ năm 2023 bằng 89%.

**5. Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản:** Thực hiện 1.219 triệu đồng, đạt 174% dự toán giao; ước thực hiện cả năm 1.219 triệu đồng, đạt 100% dự toán giao; so với cùng kỳ năm 2023 tăng 94%.

**6. Phí và lệ phí:** Thực hiện 875 triệu đồng, đạt 122% dự toán giao; ước thực hiện cả năm 1.080 triệu đồng, đạt 150% dự toán giao; so với cùng kỳ năm 2023 tăng 52%.

**7. Thu tiền sử dụng đất:** Thực hiện 854 triệu đồng, đạt 171% dự toán giao; ước thực hiện cả năm 1.150 triệu đồng, đạt 230% dự toán giao; so với cùng kỳ năm 2023 tăng 65%.

**8. Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước:** Thực hiện 155 triệu đồng, đạt 22% dự toán giao; ước thực hiện cả năm 700 triệu đồng, đạt 100% dự toán giao; so với cùng kỳ năm 2023 bằng 10%.

**9. Thu khác ngân sách:** Thực hiện 2.387 triệu đồng, đạt 113% dự toán giao; ước thực hiện cả năm 3.180 triệu đồng, đạt 150% dự toán giao; so với cùng kỳ năm 2023 tăng 35%.

**10. Thu từ quỹ công ích và thu hoa lợi công sản khác:** Thực hiện 5 triệu đồng; ước thực hiện cả năm 5 triệu đồng.

**II. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên:** Thực hiện 575.990 triệu đồng, đạt 79% dự toán giao; ước thực hiện cả năm 793.352 triệu đồng, đạt 108% dự toán giao; so với cùng kỳ năm 2023 tăng 20%, bao gồm:

- Thu bổ sung cân đối ngân sách: Thực hiện 420.000 triệu đồng, đạt 72% dự toán giao; ước thực hiện cả năm 582.036 đồng, đạt 100% dự toán giao; so với cùng kỳ năm 2023 tăng 18%.

- Thu bổ sung có mục tiêu: Thực hiện 155.990 triệu đồng, đạt 104% dự toán giao; ước thực hiện cả năm 211.316 đồng, đạt 141% dự toán giao; so với cùng kỳ năm 2023 tăng 28%.

**III. Thu chuyển nguồn ngân sách:** Thực hiện 73.163 triệu đồng (*bao gồm: Ngân sách huyện 56.126,3 triệu đồng; Ngân sách xã 17.036,7 triệu đồng*), tăng 11% so với năm 2023.

**IV. Thu kết dư ngân sách:** Thực hiện 5.013,9 triệu đồng; ước thực hiện cả năm 5.013,9; so với năm 2023 tăng 1.566%.

*(chi tiết theo phụ biểu số 01 đính kèm)*

## **B. CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG**

Tổng chi ngân sách địa phương thực hiện 8 tháng đầu năm 437.275 triệu đồng, đạt 59% dự toán giao; ước thực hiện cả năm 889.870 triệu đồng, đạt 119% dự toán giao; so với cùng kỳ năm 2023 tăng 20%.

*Chi tiết các khoản chi như sau:*

### **I. Chi cân đối ngân sách địa phương**

Tổng chi cân đối ngân sách: Thực hiện 352.417 triệu đồng, đạt 59% dự toán giao; ước thực hiện cả năm 655.782 đồng, đạt 110% dự toán giao; so với cùng kỳ năm 2023 tăng 16%, trong đó:

**1. Chi đầu tư:** Thực hiện 5.161 triệu đồng, đạt 28% dự toán giao; ước thực hiện cả năm 18.459 đồng, đạt 100% dự toán giao; so với cùng kỳ năm 2023 bằng 86%.

**2. Chi thường xuyên:** Thực hiện 347.256 triệu đồng, đạt 62% dự toán giao; ước thực hiện cả năm 637.323 triệu đồng, đạt 114% dự toán giao; so với cùng kỳ năm 2023 tăng 18%, cụ thể các lĩnh vực chi như sau:

- Chi quốc phòng: Thực hiện 11.488 triệu đồng, đạt 108% dự toán giao; ước thực hiện cả năm 15.491 triệu đồng, đạt 146% dự toán giao; so với cùng kỳ năm 2023 tăng 46%.

- Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội: Thực hiện 4.140 triệu đồng, đạt 61% dự toán giao; ước thực hiện cả năm 8.508 triệu đồng, đạt 125% dự toán giao; so với cùng kỳ năm 2023 tăng 44%.

- Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo: Thực hiện 215.757 triệu đồng, đạt 61% dự toán giao; ước thực hiện cả năm 395.095 triệu đồng, đạt 111% dự toán giao; so với cùng kỳ năm 2023 tăng 20%.

- Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ: Thực hiện 370 triệu đồng, đạt 82% dự toán giao; ước thực hiện cả năm 450 triệu đồng, đạt 100% dự toán giao; so với cùng kỳ năm 2023 bằng 86%.

- Chi Trung tâm Văn hóa - Truyền thanh - Truyền hình: Thực hiện 4.924 triệu đồng, đạt 62% dự toán giao; ước thực hiện cả năm 9.084 triệu đồng, đạt 114% dự toán giao; so với cùng kỳ năm 2023 tăng 45%.

- Chi sự nghiệp môi trường: Thực hiện 694 triệu đồng, đạt 268% dự toán giao; ước thực hiện cả năm 2.500 triệu đồng, đạt 100% dự toán; so với cùng kỳ năm 2023 bằng 96%.

- Chi đảm bảo xã hội: Thực hiện 19.367 triệu đồng, đạt 67% dự toán giao; ước thực hiện cả năm 36.360 triệu đồng, đạt 126% dự toán giao; so với cùng kỳ năm 2023 tăng 19%.

- Chi sự nghiệp kinh tế: Thực hiện 23.098 triệu đồng, đạt 59% so với dự toán giao; ước thực hiện cả năm 48.358 triệu đồng, đạt 125% dự toán giao; so với cùng kỳ năm 2023 tăng 1%.

- Chi quản lý hành chính: Thực hiện 66.617 triệu đồng, đạt 61% dự toán giao; ước thực hiện cả năm 120.642 triệu đồng, đạt 111% dự toán giao; so với cùng kỳ năm 2023 tăng 12%.

- Chi hỗ trợ các đơn vị: Thực hiện 800 triệu đồng, đạt 96% dự toán giao; ước thực hiện cả năm 835 triệu đồng, đạt 100% dự toán giao; so với cùng kỳ năm 2023 tăng 31%.

**3. Chi từ nguồn tăng thu trên địa bàn:** Chưa thực hiện.

**4. Dự phòng ngân sách:** Thực hiện 7.603,8 triệu đồng, đạt 74% dự toán giao, (bao gồm: Khắc phục hậu quả thiên tai sửa chữa tường bao Huyện ủy 150 triệu đồng; Kinh phí phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm, thủy sản trên địa bàn huyện 700 triệu đồng; Khắc phục hậu quả thiên tai sửa chữa tường bao của Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện 400 triệu đồng; Khắc phục hậu quả thiên tai tuyến đường từ thôn Nong Hung, xã Mường Báng đi xã Xá Nhè, huyện Tủa Chùa 1.000 triệu đồng; Sửa chữa, Thủy lợi Háng Lòng Dê, thôn 1, xã Lao Xả Phình 300 triệu đồng; Xử lý, khắc phục hậu quả thiên tai tuyến đường từ Đèo Gió - Vàng Chua, xã Sính Phình - xã Trung Thu, huyện Tủa Chùa 700 triệu đồng, Khắc phục hậu quả thiên tai xử lý ùn tắc đảm bảo giao thông các tuyến đường trên địa bàn huyện Tủa Chùa 500 triệu đồng; Khắc phục hậu quả thiên tai tuyến đường Làng Sáng (xã Tả Sìn Thàng) đi Lầu Câu Phình (xã Lao Xả Phình) 300 triệu đồng; Kinh phí khắc phục hậu quả thiên tai (sửa chữa, thay thế biển chữ "HANG ĐỘNG KHỔ CHUA LA", cửa hang động và các hệ thống biển báo, khác 250 triệu đồng; Khắc phục hậu quả thiên tai kè chắn đất cánh đồng Tà Là Cáo, xã Sính Phình, huyện Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên 803,8 triệu đồng; Kinh phí diễn tập khu vực phòng thủ huyện 2.300 triệu đồng; Kinh phí diễn tập phòng thủ; kinh phí mua vật tư, chế độ cho lực lượng tham gia chữa cháy cháy rừng tại xã Mường Báng 200 triệu đồng; Kinh phí diễn tập phòng thủ tại UBND Thị trấn Tủa Chùa 70 triệu đồng ); Kinh phí còn lại chưa phân bổ 2.455,6 triệu đồng.

**5. Chi khác ngân sách:** Thực hiện 2.100 triệu đồng đạt 52% dự toán giao, (bao gồm: Nguồn chi khác ngân sách phân bổ 2.000 triệu đồng; nguồn tiền lương và các khoản có tính chất như lương phân bổ 100 triệu đồng); Kinh phí số còn lại chưa phân bổ 1.924,7 triệu đồng ( bao gồm tiền lương và các khoản có tính chất như lương).

**6. Nguồn tiết kiệm 10% thực hiện cải cách tiền lương:** Chưa thực hiện.

**II. Chi Chương trình mục tiêu quốc:** Thực hiện 84.858 triệu đồng, đạt 57% dự toán giao; ước thực hiện cả năm 233.602 triệu đồng, đạt 157% dự toán giao; so với cùng kỳ năm 2023 tăng 139%, cụ thể:

**1. Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững.** Thực hiện 29.803 triệu đồng, đạt 54% dự toán giao; Ước thực hiện cả năm 72.816 triệu đồng đạt 133% dự toán giao; so với năm 2023 tăng 124% trong đó:

- Vốn đầu tư: Thực hiện 11.445 triệu đồng, đạt 59% dự toán giao; Ước thực hiện cả năm 22.967 triệu đồng đạt 118% dự toán giao; so với cùng kỳ năm 2023 tăng 203%.

- Vốn sự nghiệp: Thực hiện 18.357 triệu đồng, đạt 52% dự toán giao; Ước thực hiện cả năm 49.849 triệu đồng đạt 141% dự toán giao; so với cùng kỳ năm 2023 tăng 100%.

**2. Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.** Thực hiện 4.306 triệu đồng, đạt 63% dự toán giao; Ước thực hiện cả năm 8.996 triệu đồng đạt 132% dự toán giao; so với cùng kỳ năm 2023 bằng 45%, trong đó:

- Vốn đầu tư: Thực hiện 4.165 triệu đồng, đạt 89% dự toán giao; ước thực hiện cả năm 5.953 triệu đồng, đạt 128% dự toán giao; so với cùng kỳ năm 2023 bằng 34%.

- Vốn sự nghiệp: Thực hiện 141 triệu đồng, đạt 7% dự toán giao; ước thực hiện cả năm 3.043 triệu đồng, đạt 142% dự toán giao; so với cùng kỳ năm 2023 tăng 36%.

**3. Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.** Thực hiện 50.749 triệu đồng, đạt 58% dự toán giao; ước thực hiện cả năm 151.790 triệu đồng đạt 173% dự toán giao; so với cùng kỳ năm 2023 tăng 235%, trong đó:

- Vốn đầu tư: Thực hiện 26.656 triệu đồng, đạt 62% dự toán giao; ước thực hiện cả năm 85.253 triệu đồng, đạt 198% dự toán giao; so với cùng kỳ năm 2023 tăng 520%.

- Vốn sự nghiệp: Thực hiện 24.093 triệu đồng, đạt 54% dự toán giao; ước thực hiện cả năm 66.537 triệu đồng, đạt 149% dự toán giao; so với cùng kỳ năm 2023 tăng 111%.

**III. Chi thực hiện chương trình mục tiêu, nhiệm vụ khác:** Chưa thực hiện; ước thực hiện cả năm 486 triệu đồng đạt 100% dự toán giao.

*(chi tiết theo phụ biểu số 02 đính kèm)*

## **C. THU - CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ**

**1. Thu ngân sách Nhà nước:** Thực hiện tháng 8 đầu năm 94.294 triệu đồng, đạt 70% dự toán huyện giao, trong đó thu ngân sách trên địa bàn thực hiện 923 triệu đồng, đạt 114% dự toán giao. Ước thực hiện cả năm 152.200 triệu đồng đạt 113% dự toán huyện giao.

**2. Chi ngân sách nhà nước:** Thực hiện 8 tháng đầu năm 77.201 triệu đồng, đạt 58% dự toán huyện giao, trong đó chi bổ sung cân đối 45.027 triệu đồng, đạt 58% dự toán huyện giao; chi bổ sung có mục tiêu 32.174 triệu đồng, đạt 57% dự toán huyện giao. Ước thực hiện cả năm 152.200 triệu đồng đạt 114% dự toán huyện giao.

### **3. Chi tiết thu, chi ngân sách cấp xã**

#### **3.1. UBND thị trấn Tủa Chùa**

- Thu ngân sách: Thực hiện 7.738 triệu đồng, đạt 59% dự toán huyện giao, trong đó thu trên địa bàn 780,5 triệu đồng, đạt 156% dự toán huyện giao, *cụ thể: số thu UBND Thị trấn được hưởng sau khi loại trừ (các khoản thu về nhà, đất với tổng*

số tiền 186,2 triệu đồng) là 594,3 triệu đồng đạt 119% dự toán giao. Ước thực hiện cả năm: 14.273 triệu đồng đạt 108% dự toán huyện giao.

- Chi ngân sách: Thực hiện 6.094 triệu đồng, đạt 47% dự toán huyện giao. Ước thực hiện cả năm: 14.273 triệu đồng đạt 112% dự toán huyện giao.

### **3.2. UBND xã Mừng Báng**

- Thu ngân sách: Thực hiện 10.414 triệu đồng, đạt 86% dự toán huyện giao, trong đó thu trên địa bàn 9 triệu đồng, đạt 30% dự toán huyện giao. Ước thực hiện cả năm: 12.303 triệu đồng đạt 102% dự toán huyện giao.

- Chi ngân sách: Thực hiện 7.975 triệu đồng, đạt 66% dự toán huyện giao. Ước thực hiện cả năm: 12.303 triệu đồng đạt 102% dự toán huyện giao.

### **3.3. UBND xã Xá Nhè**

- Thu ngân sách: Thực hiện 9.785 triệu đồng, đạt 73%, trong đó thu trên địa bàn 30 triệu đồng, đạt 61% dự toán huyện giao. Ước thực hiện cả năm: 16.066 triệu đồng đạt 120% dự toán huyện giao.

- Chi ngân sách: Thực hiện 7.784 triệu đồng, đạt 59% dự toán huyện giao. Ước thực hiện cả năm: 16.066 triệu đồng đạt 121% dự toán huyện giao.

### **3.4. UBND xã Mừng Đun**

- Thu ngân sách: Thực hiện 7.113 triệu đồng, đạt 68% dự toán huyện giao, trong đó thu trên địa bàn 20 triệu đồng, đạt 93% dự toán huyện giao. Ước thực hiện cả năm: 10.748 triệu đồng đạt 103% dự toán huyện giao.

- Chi ngân sách: Thực hiện 5.647 triệu đồng, đạt 54% dự toán huyện giao. Ước thực hiện cả năm: 10.748 triệu đồng đạt 103% dự toán huyện giao.

### **3.5. UBND xã Tủa Thành**

- Thu ngân sách: Thực hiện 7.745 triệu đồng, đạt 70% dự toán huyện giao, trong đó thu trên địa bàn 5 triệu đồng, đạt 23% dự toán huyện giao. Ước thực hiện đến cả năm: 13.607 triệu đồng đạt 124% dự toán huyện giao.

- Chi ngân sách: Thực hiện 8.880 triệu đồng, đạt 81% dự toán huyện giao. Ước thực hiện cả năm: 13.607 triệu đồng đạt 124% dự toán huyện giao.

### **3.6. UBND xã Huổi Sớ**

- Thu ngân sách: Thực hiện 6.467 triệu đồng, đạt 69% dự toán huyện giao, trong đó thu trên địa bàn 4 triệu đồng, đạt 20% dự toán huyện giao. Ước thực hiện cả năm: 9.843 triệu đồng đạt 106% dự toán huyện giao.

- Chi ngân sách: Thực hiện 5.529 triệu đồng, đạt 60% dự toán huyện giao. Ước thực hiện cả năm: 9.843 triệu đồng đạt 106% dự toán huyện giao.

### **3.7. UBND xã Sính Phình**

- Thu ngân sách: Thực hiện 9.526 triệu đồng, đạt 72% dự toán huyện giao, trong đó thu trên địa bàn 9 triệu đồng, đạt 35% dự toán huyện giao. Ước thực hiện cả năm: 15.815 triệu đồng đạt 120% dự toán huyện giao.

- Chi ngân sách: Thực hiện 6.181 triệu đồng, đạt 47% dự toán huyện giao. Ước thực hiện cả năm: 15.815 triệu đồng đạt 120% dự toán huyện giao.

### **3.8. UBND xã Tả Phìn**

- Thu ngân sách: Thực hiện 7.204 triệu đồng, đạt 68% dự toán huyện giao, trong đó thu trên địa bàn 14 triệu đồng, đạt 63% dự toán huyện giao. Ước thực hiện cả năm: 12.004 triệu đồng đạt 113% dự toán huyện giao.

- Chi ngân sách: Thực hiện 5.646 triệu đồng, đạt 53% dự toán huyện giao. Ước thực hiện cả năm: 12.004 triệu đồng đạt 113% dự toán huyện giao.

### **3.9. UBND xã Trung Thu**

- Thu ngân sách: Thực hiện 7.242 triệu đồng, đạt 73% dự toán huyện giao, trong đó thu trên địa bàn 13 triệu đồng, đạt 65% dự toán huyện giao. Ước thực hiện cả năm: 12.204 triệu đồng đạt 123% dự toán huyện giao.

- Chi ngân sách: Thực hiện 6.940 triệu đồng, đạt 70% dự toán huyện giao. Ước thực hiện cả năm: 12.204 triệu đồng đạt 123% dự toán huyện giao.

### **3.10. UBND xã Tả Sìn Thàng**

- Thu ngân sách: Thực hiện 6.849 triệu đồng, đạt 69% dự toán huyện giao, trong đó thu trên địa bàn 27 triệu đồng, đạt 54% dự toán huyện giao. Ước thực hiện cả năm: 11.109 triệu đồng đạt 113% dự toán huyện giao.

- Chi ngân sách: Thực hiện 5.460 triệu đồng, đạt 56% dự toán huyện giao. Ước thực hiện cả năm: 11.109 triệu đồng đạt 113% dự toán huyện giao.

### **3.11. UBND xã Lao Xả Phình**

- Thu ngân sách: Thực hiện 6.396 triệu đồng, đạt 64% dự toán huyện giao, trong đó thu trên địa bàn 2 triệu đồng, đạt 10% dự toán huyện giao. Ước thực hiện cả năm: 10.437 triệu đồng đạt 104% dự toán huyện giao.

- Chi ngân sách: Thực hiện 5.033 triệu đồng, đạt 50% dự toán huyện giao. Ước thực hiện cả năm: 10.437 triệu đồng đạt 104% dự toán huyện giao.

### **3.12. UBND xã Sín Chải**

- Thu ngân sách: Thực hiện 7.814 triệu đồng, đạt 65% dự toán huyện giao, trong đó thu trên địa bàn 9 triệu đồng, đạt 33% dự toán huyện giao. Ước thực hiện cả năm: 13.792 triệu đồng đạt 115% dự toán huyện giao.

- Chi ngân sách: Thực hiện 6.031 triệu đồng, đạt 51% dự toán huyện giao. Ước thực hiện cả năm: 13.792 triệu đồng đạt 116% dự toán huyện giao.

*(chi tiết theo phụ lục biểu số 03, 04, 05 đính kèm)*

## **D. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

### **1. Về nhiệm vụ thu ngân sách**

- Kết quả thu ngân sách trên địa thực hiện 8 tháng đầu năm thực hiện 17.307 triệu đồng, đạt 100% dự toán giao. Trong đó: Thu ngân sách trên địa bàn huyện và xã hưởng 15.733 triệu đồng, đạt 102% dự toán giao; ước thực hiện cả năm 20.565 triệu đồng, đạt 119% dự toán huyện giao; so với cùng kỳ năm 2023 bằng 81%.

- Công tác quản lý, điều hành ngân sách cơ bản thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các quy định hiện hành. Căn cứ Quyết định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và dự toán ngân sách tỉnh giao, UBND huyện

thực hiện phân bổ giao dự toán thu ngân sách cho các cơ quan, đơn vị theo đúng quy định trên cơ sở dự toán xây dựng đã lập. Các khoản thu cơ bản sát với tình hình thực tế nguồn thu trên địa bàn huyện.

**2. Về nhiệm vụ chi ngân sách:** Chi ngân sách 8 tháng đầu năm 2024 đã cơ bản đáp ứng được các nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh và thực hiện các chính sách an sinh xã hội như: Chi trả thực hiện chính sách bảo trợ xã hội theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP, Kinh phí thực hiện chính sách giáo dục đối với người khuyết tật theo Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT - BLĐTBXH-BTC; Hỗ trợ theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP; Kinh phí hỗ trợ học sinh bán trú và trường phổ thông bán trú theo Nghị định 116/NĐ-CP, Kinh phí thực hiện Nghị định 81/2021/NĐ-CP.

- Một số nhiệm vụ chi phát sinh như nguồn vốn giao đầu năm nhưng chưa phân bổ chi tiết, nguồn vốn tình giao bổ sung..., UBND huyện đã xin ý kiến của Thường trực Huyện ủy, Ban Thường vụ Huyện ủy, thống nhất với Thường trực HĐND huyện phân bổ, giao chi tiết cho các cơ quan, đơn vị để triển khai thực hiện đảm bảo kịp thời, đúng quy định.

### **3. Về công tác quản lý, điều hành ngân sách năm 2024**

Để thực hiện tốt các quy định về quản lý, điều hành ngân sách địa phương và chương trình giải pháp chỉ đạo điều hành thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh năm 2024, Ngày 24/01/2024, UBND huyện đã ban hành Quyết định số 62/QĐ-UBND Quy định về quản lý, điều hành ngân sách địa phương năm 2024 trên địa bàn huyện; chỉ đạo, quán triệt các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn nghiêm túc thực hiện, bám sát dự toán ngân sách đã được giao chủ động triển khai thực hiện nhiệm vụ chi đáp ứng kịp thời những nhiệm vụ cần thiết, thực hành tiết kiệm chống lãng phí, cân đối các khoản chi cho phù hợp với nhiệm vụ của đơn vị.

### **4. Một số tồn tại, hạn chế và nguyên nhân**

#### **4.1. Tồn tại, hạn chế**

- Một số sắc thuế đạt thấp như: Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước đạt 22% dự toán giao, thuế sử dụng đất phi nông nghiệp đạt 45% dự toán giao. Kết quả thực hiện giao thu ngân sách của một số đơn vị giao thu còn chậm (*chi tiết tại phụ biểu số 05 đính kèm*).

- Công tác giải ngân thực hiện một số nguồn vốn còn chậm như: Chi đầu tư xây dựng cơ bản vốn trong nước đạt 29%; Chi sự nghiệp môi trường đạt 28%; Chương trình MTQG nông thôn mới vốn sự nghiệp đạt 7%; Chi chương trình mục tiêu nhiệm vụ khác đạt 0% dự toán giao...

- Hiện nay một số nội dung bất cập về cơ chế, đối tượng tại một số tiểu dự án, Dự án còn vướng mắc chưa tạo điều kiện cho các đơn vị triển khai thực hiện, chưa tháo gỡ<sup>1</sup>.

---

<sup>1</sup> (1) Tại tiểu Dự án 1 Dự án 4 Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững theo Quyết định số 90/QĐ-TTg có nội hỗ trợ "cơ sở vật chất, thiết bị, phương tiện đào tạo cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn có huyện nghèo". Tuy nhiên theo quy định tại Điều 5 Luật Giáo dục nghề nghiệp và Điều 44 Luật Giáo dục, mô hình Trung tâm GDNN-GDTX là cơ sở giáo dục mà không phải là cơ sở giáo dục nghề nghiệp, nên đơn vị này không



- Một số xã còn lúng túng trong việc triển khai các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất do chưa có hướng dẫn việc mua sắm cây trồng, vật nuôi và những hàng hóa dịch vụ do người dân trực tiếp sản xuất; ngoài ra, các cơ sở cung ứng cấp con giống trên địa bàn không đáp ứng theo quy định của Luật chăn nuôi, khó khăn cho việc thực hiện các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất. Mặc dù Quốc hội ban hành nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18/01/2024 về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia; theo đó có cơ chế mua con giống do người dân sản xuất, tuy nhiên, con giống do người dân sản xuất không đáp ứng được quy định của Luật chăn nuôi, nên khó khăn trong quá trình thực hiện.

- Trình độ năng lực của cán bộ, công chức một số đơn vị cấp xã không đồng đều, còn lúng túng trong tổ chức thực hiện, chưa nắm rõ các quy định của Trung ương, của tỉnh...

- Công tác kiểm tra, giám sát còn chông chéo, thực hiện bởi nhiều cơ quan, đơn vị, nội dung chông chéo, trùng lặp...

## **4.2. Nguyên nhân**

### ***- Nguyên nhân khách quan***

+ Do Luật Đất đai ngày 18/01/2024 và Nghị định số 103/2024/NĐ ngày 30/7/2024 của Chính phủ có hiệu lực thi hành từ 01/8/2024, dẫn đến số thu từ tiền sử dụng đất phi nông nghiệp; tiền cho thuê đất, thuê mặt nước đạt thấp do chưa triển khai, thực hiện;

+ Một số nguồn vốn giao cho các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn giải ngân chậm là do các dự án này mới được bố trí kế hoạch vốn để khởi công mới nhưng do trình tự, thủ tục chuẩn bị đầu tư, GMMB, lựa chọn nhà thầu còn phức tạp cũng gây ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện giải ngân vốn;

+ Tiến độ giải ngân vốn sự nghiệp 03 chương trình mục tiêu đạt 36,69% (bao gồm cả vốn giao năm 2024 và vốn chuyển nguồn năm 2023 chuyển sang) còn chậm (chi tiết tại phụ biểu số 06 đính kèm).

+ Một số dự án đang triển khai thực hiện nhưng do thời tiết, khí hậu phức tạp mùa mưa đến sớm, giao thông đi lại khó khăn gây ảnh hưởng đến việc thi công xây dựng công trình.

+ Số lượng văn bản quy định, hướng dẫn thực hiện các chương trình quá nhiều; có những nội dung mới sửa đổi, điều chỉnh nên chưa thống nhất, khó khăn trong việc áp dụng thực hiện.

### ***- Nguyên nhân chủ quan:***

+ Khả năng thu hút các nguồn lực đầu tư phát triển gặp nhiều khó khăn, nguồn vốn chủ yếu do Trung ương và tỉnh trợ cấp, chưa đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội; Việc huy động đóng góp của nhân dân còn gặp nhiều khó

---

thuộc đối tượng được đầu tư hỗ trợ sửa chữa, mua sắm máy móc, trang thiết bị, phương tiện đào tạo từ vốn chương trình. (2). Chưa có quy định hướng dẫn việc xác định đối với "người có thu nhập thấp". (3) Mức hỗ trợ tiền ăn đối với người học nghề ngắn hạn thấp (theo điểm a khoản 2, Điều 5 Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg ngày 28/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ; điểm b khoản 2 Điều 7 Thông tư số 152/2016/TT-BTC ngày 17/10/2016 của Bộ Tài chính hiện nay là 30.000 đồng/người/ngày thực học).

khẩn do nhân dân có thu nhập thấp, tỷ lệ hộ nghèo cao, nhận thức của một số bộ phận nhân dân còn hạn chế;

+ Một số đơn vị, địa phương chưa chủ động, chưa quyết liệt đến công tác thu ngân sách trên địa bàn nộp vào NSNN theo quy định;

+ Công tác phối hợp giữa một số cơ quan, đơn vị với địa phương còn hạn chế, nhất là trong việc tuyên truyền, phổ biến, triển khai thực hiện và tham mưu thực hiện các nhiệm vụ chương trình; Công tác lãnh đạo, chỉ đạo của một số cấp ủy, chính quyền về thực hiện Chương trình mục tiêu còn chậm, chưa kịp thời; chưa sâu sát, thiếu chủ động, linh hoạt trong quá trình tổ chức thực hiện.

+ Công tác kiểm tra, giám sát, hướng dẫn của một số đơn vị cho các xã, thị trấn chưa thường xuyên, kịp thời; Việc quản lý, duy tu, bảo dưỡng các công trình sau đầu tư chưa được quan tâm nên nhiều công trình giao thông nông thôn, thủy lợi, nước sinh hoạt ... có dấu hiệu xuống cấp, hư hỏng.

+ Nguồn vốn sự nghiệp môi trường đã được UBND huyện phân bổ cho UBND các xã, thị trấn thực hiện, tuy nhiên hiệu quả thực hiện còn hạn chế;

## **Phần thứ II**

### **NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH DỰ TOÁN THU, CHI 3 THÁNG CUỐI NĂM 2024**

#### **I. VỀ THU NGÂN SÁCH**

Dự toán thu năm 2024 giao cho các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn là mức tối thiểu; căn cứ vào kết quả tình hình phát triển trên địa bàn các xã, thị trấn và kết quả thu ngân sách năm 2024 và các chế độ, chính sách hiện hành, phấn đấu khai thác mọi nguồn thu và chống thất thu ngân sách, đảm bảo mức phấn đấu cao hơn dự toán thu ngân sách được HĐND huyện giao. Trước mắt cần tập trung, chỉ đạo một số nhiệm vụ sau:

- Thủ trưởng các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể huyện, UBND các xã, thị trấn, Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện, Chi cục Thuế khu vực Tuần Giáo - Tòa Chùa, Kho bạc Nhà nước huyện nghiên cứu, triển khai thực hiện các nội dung tại Thông tư số 108/TT-BTC ngày 08/12/2021 của Bộ Tài chính quy định về quản lý, sử dụng các khoản thu từ hoạt động tư vấn, quản lý dự án của các chủ đầu tư, ban quản lý dự án sử dụng vốn đầu tư công; triển khai áp dụng hóa đơn điện tử, tăng cường quản lý nợ và thu hồi nợ thuế (*tại Công văn số 5258/BTC-TCT ngày 22/5/2024 của Bộ Tài chính, Công văn số 2401/UBND-KT ngày 29/5/2024 của UBND tỉnh Điện Biên*);

- Tăng cường thực hiện giải ngân vốn đầu tư công và các nguồn vốn khác năm 2024 trên địa bàn huyện theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại Chỉ thị số 2384/CT-UBND ngày 29/5/2024 tạo nguồn thu từ hoạt động đầu tư bằng nguồn vốn Nhà nước và các nguồn vốn khác;

- Tăng cường công tác quản lý tài sản công, quản lý sử dụng đất từ khâu quy hoạch sử dụng đất, đầu giá, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất... để quản lý và thu ngân sách đầy đủ, kịp thời theo đúng chế độ quy định;

- Chỉ đạo Chi cục Thuế khu vực Tuần Giáo - Tòa Chùa phối hợp chặt chẽ với phòng, ban chuyên môn trong công tác quản lý thu thuế; chỉ đạo quản lý thu thuế đối với công trình xây dựng cơ bản trên địa bàn bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn khác; Tăng cường việc kê khai, nộp thuế tài nguyên, phí Bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản (*tại Công văn số 756/CV-CTDBI-TTKT ngày 15/8/2024 của Cục thuế tỉnh Điện Biên*);

- Đối với khoản nợ thuế: Tiếp tục thực hiện Thông tư số 69/2020/TT-BTC ngày 15/7/2020 và Nghị quyết số 94/2019/QH14; Thực hiện tập trung rà soát, phân loại đối tượng và các khoản tiền nợ, tiền chậm nộp, tiền phạt chậm nộp làm cơ sở đơn đốc thu tiền thuế nợ;

- Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện phối hợp với Kho bạc Nhà nước huyện tiếp tục đơn đốc, thu nộp kịp thời các khoản thu hồi theo Kết luận Thanh tra, Kiểm tra, Kiểm toán theo đúng quy định. Tăng cường, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, UBND các xã trong việc hạch toán, thu nộp các khoản thu phạt, tịch thu; các khoản thu phí, lệ phí; các khoản thu phạt VPHC... theo quy định tại khoản 3 Điều 35 Thông tư số 77/2017/TT-BTC ngày 28/7/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán NNNN và hoạt động nghiệp vụ KBNN; Công văn số 3409/KBNN-KTNN ngày 21/6/2024 của Kho bạc Nhà nước về việc hướng dẫn hạch toán mã cơ quan thu.

## **II. VỀ CHI NGÂN SÁCH**

### **1. Nhiệm vụ chi đầu tư**

- Thực hiện theo Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách Nhà nước, các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách Nhà nước. Đảm bảo đúng quy định tại Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025; Nghị quyết 26/2020/NQ-HĐND ngày 10/11/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Điện Biên;

- Các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn được giao nhiệm vụ Chủ đầu tư nghiêm túc triển khai thực hiện Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 08/8/2024 của Thủ tướng Chính phủ về các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công những tháng cuối năm 2024; Văn bản số 3714/UBND-TH ngày 21/8/2024 của UBND tỉnh Điện Biên về việc triển khai thực hiện vi pháp trọng tâm đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công những tháng cuối năm 2024 trên địa bàn tỉnh Điện Biên; Công văn số 1745-CV/HU ngày 26/8/2024 của Huyện ủy Tòa Chùa về việc quán triệt, thực hiện

chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, của UBND tỉnh Điện Biên về đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công năm 2024;

- Tăng cường công tác kiểm tra chất lượng các công trình, đôn đốc các chủ đầu tư, đại diện chủ đầu tư, nhà thầu đẩy nhanh tiến độ thực hiện thi công và giải ngân các dự án đảm bảo đúng kế hoạch; kịp thời tháo gỡ khó khăn vướng mắc và chịu trách nhiệm về kết quả giải ngân của từng dự án, coi đây là căn cứ quan trọng khi đánh giá xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao năm 2024 của tập thể, cá nhân;

- Đẩy nhanh tiến độ bồi thường, giải phóng mặt bằng các dự án; phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương trên địa bàn thực hiện án án trong tổ vchuwcs công bố quy hoạch, cắm mốc phạm vi bồi thường, giải phóng mặt bằng; tính toán đầy đủ các hạng mục công trình tránh xảy ra vướng mắc và phát sinh trong quá trình thực hiện; Đề nghị các tổ chức chính trị xã hội tham gia tuyên truyền vận động nhân dân trong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện kế hoạch đầu tư công;

- Đẩy mạnh công tác thanh toán, quyết toán vốn đầu tư công trình dự án sử dụng nguồn vốn đầu tư công; tăng cường giám sát việc chấp hành các quy định trong quản lý, giải ngân vốn đầu tư công;

- Tăng cường công tác quản lý giá, kiểm soát việc đăng ký giá, kê khai giá và công bố giá vật liệu xây dựng đảm bảo sát với tình hình thực tế, tránh lãng phí trong công tác quản lý chi phí của các dự án đầu tư.

## **2. Nhiệm vụ chi thường xuyên**

- Các cơ quan, ban ngành, đoàn thể huyện, UBND các xã, thị trấn tổ chức thực hiện dự toán chi đúng chế độ chính sách trên tinh thần tiết kiệm, thực hiện các mục tiêu kiềm chế lạm phát, tăng cường kỷ cương, kỷ luật trong chi tiêu công quỹ, kiểm soát chi chặt chẽ, đảm bảo đúng tiêu chuẩn, định mức, chế độ nhà nước quy định. Căn cứ dự toán HĐND huyện giao, các cơ quan, đơn vị chủ động sắp xếp thứ tự ưu tiên, đảm bảo thực hiện các nhiệm vụ chính trị quan trọng, nâng cao hiệu quả tiết kiệm chi ngân sách;

- Các cơ quan, ban ngành, đoàn thể huyện, UBND các xã, thị trấn nghiêm túc triển khai thực hiện Nghị quyết số 119/NQ-CP ngày 07/8/2024 của Chính phủ về phạm vi, đối tượng tiết kiệm 5% chi thường xuyên năm 2024; Quyết định số 1524/QĐ-UBND ngày 20/8/2024 của UBND tỉnh Điện Biên về việc giao chỉ tiêu tiết kiệm 5% chi thường xuyên năm 2024; Quyết định số 3431/QĐ-UBND ngày 14/8/2024 của UBND huyện Tủa Chùa về việc tiết kiệm cắt giảm 5% chi thường xuyên ngân sách năm 2024 theo Nghị quyết số 119/NQ-CP ngày 07/8/2024 của Chính phủ;

- Đối với chi mua sắm, bảo dưỡng, sửa chữa tài sản phải căn cứ quy định về tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng tài sản nhà nước theo quy định hiện hành;

- Giảm tối đa tổ chức các hoạt động không cần thiết, tăng cường thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, phòng chống tham nhũng, thực hiện công khai trong mua sắm tài sản; công khai trong quản lý, sử dụng tài sản công;

- Đối với kinh phí dự phòng ngân sách đã được UBND huyện giao, các xã, thị trấn chủ động thực hiện phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh... theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước;

- Việc điều chỉnh dự toán thực hiện theo quy định tại Điều 49, Điều 50 Luật Ngân sách Nhà nước;

- Việc thực hiện cấp phát bằng hình thức lệnh chi tiền: Được áp dụng đối với các nhiệm vụ và theo quy định tại Điều 19 Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính;

- Thực hiện tốt việc công khai quyết toán thu, chi ngân sách năm 2023 ở các cấp ngân sách và tất cả các đơn vị dự toán theo đúng quy định về thời gian, nội dung của nhà nước đã ban hành;

- Tăng cường công tác quản lý, điều hành ngân sách, thực hiện tốt công tác thanh kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện dự toán ngân sách đối với các đơn vị dự toán; Các đơn vị dự toán chấp hành nghiêm chế độ báo cáo tình hình thực hiện dự toán ngân sách theo quy định.

Trên đây là Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ thu, chi ngân sách địa phương 9 tháng đầu năm, nhiệm vụ, giải pháp điều hành dự toán thu, chi 3 tháng cuối năm 2024 của UBND huyện Tủa Chùa./.

**Nơi nhận:**

- Thường trực Huyện ủy (báo cáo);
- Ban Thường vụ Huyện ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND huyện (báo cáo);
- Lãnh đạo UBND huyện;
- Các cơ quan, phòng ban, đoàn thể huyện;
- TT ĐU, HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- Công TTĐT huyện;
- Lưu: VT, TCKH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Lường Tuấn Anh**

## TÌNH HÌNH THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(kèm theo Báo cáo số 404 /BC-UBND ngày 09 /9/2024 của UBND huyện Tủa Chùa)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

Stt	NỘI DUNG	Dự toán giao 2024	Thực hiện năm 2023	Thực hiện 8 tháng đầu năm 2024	Ước thực hiện năm 2024	So sánh (%)		
						TH/DT	Ước thực hiện năm 2023 so với Dự toán giao 2023	Ước thực hiện năm 2024 so với năm 2023
A	B	1	2	4	5	6=4/1	7=5/1	8=5/2
	<b>THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG</b>	<b>748.981</b>	<b>751.193</b>	<b>671.474</b>	<b>892.094</b>	<b>90%</b>	<b>119%</b>	<b>119%</b>
	<b>NGÂN SÁCH ĐP HƯỞNG THEO PHÂN CẤP</b>	<b>747.081</b>	<b>749.293</b>	<b>669.900</b>	<b>889.870</b>	<b>90%</b>	<b>119%</b>	<b>119%</b>
<b>I</b>	<b>THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN</b>	<b>17.330</b>	<b>25.393</b>	<b>17.307</b>	<b>20.565</b>	<b>100%</b>	<b>119%</b>	<b>81%</b>
*	<i>Thu ngân sách huyện, xã hưởng</i>	<i>15.430</i>	<i>23.493</i>	<i>15.733</i>	<i>18.341</i>	<i>102%</i>	<i>119%</i>	<i>78%</i>
<b>1</b>	<b>Thu từ khu vực CTN, dịch vụ ngoài quốc doanh</b>	<b>8.710,0</b>	<b>9.409</b>	<b>8.413</b>	<b>9.351</b>	<b>97%</b>	<b>107%</b>	<b>99%</b>
-	<i>Thuế giá trị gia tăng</i>	<i>4.800</i>	<i>6.526</i>	<i>5.820</i>	<i>6.000</i>	<i>121%</i>	<i>125%</i>	<i>92%</i>
-	<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp</i>	<i>210</i>	<i>205</i>	<i>305</i>	<i>345</i>	<i>145%</i>	<i>164%</i>	<i>168%</i>
-	<i>Thuế tiêu thụ đặc biệt</i>		<i>4</i>	<i>6</i>	<i>6</i>			
-	<i>Thuế tài nguyên</i>	<i>3.700</i>	<i>2.675</i>	<i>2.283</i>	<i>3.000</i>	<i>62%</i>	<i>81%</i>	<i>112%</i>
<b>2</b>	<b>Lệ phí trước bạ</b>	<b>2.520</b>	<b>3.005</b>	<b>2.201</b>	<b>2.520</b>	<b>87%</b>	<b>100%</b>	<b>84%</b>
<b>3</b>	<b>Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp</b>	<b>50</b>	<b>71</b>	<b>22</b>	<b>50</b>	<b>45%</b>	<b>100%</b>	<b>71%</b>
<b>4</b>	<b>Thuế thu nhập cá nhân</b>	<b>1.310</b>	<b>1.477</b>	<b>1.174</b>	<b>1.310</b>	<b>90%</b>	<b>100%</b>	<b>89%</b>
<b>5</b>	<b>Thu cấp quyền khai thác khoáng sản</b>	<b>700</b>	<b>628</b>	<b>1.219</b>	<b>1.219</b>	<b>174%</b>	<b>174%</b>	<b>194%</b>
-	<i>Cơ quan trung ương cấp phép</i>	<i>500</i>	<i>450</i>	<i>1.002</i>	<i>1.002</i>	<i>200%</i>	<i>200%</i>	<i>222%</i>
	<i>Trong đó: + TW hưởng (70%)</i>	<i>350</i>	<i>314</i>	<i>504</i>	<i>504</i>	<i>144%</i>	<i>144%</i>	<i>161%</i>
	<i>+ Địa phương hưởng (30%)</i>	<i>150</i>	<i>136</i>	<i>497</i>	<i>497</i>	<i>331%</i>	<i>331%</i>	<i>365%</i>
-	<i>Cơ quan địa phương cấp phép</i>	<i>200</i>	<i>178</i>	<i>218</i>	<i>218</i>	<i>109%</i>	<i>109%</i>	<i>123%</i>
<b>6</b>	<b>Thu phí, lệ phí</b>	<b>720</b>	<b>711</b>	<b>875</b>	<b>1.080</b>	<b>122%</b>	<b>150%</b>	<b>152%</b>
-	<i>NSTW hưởng</i>		<i>55</i>	<i>101</i>	<i>110</i>			<i>199%</i>
-	<i>NS huyện hưởng</i>	<i>370</i>	<i>414</i>	<i>243</i>	<i>370</i>	<i>66%</i>	<i>100%</i>	<i>89%</i>
-	<i>NS xã hưởng</i>	<i>350</i>	<i>241</i>	<i>531</i>	<i>600</i>	<i>152%</i>	<i>171%</i>	<i>249%</i>
<b>7</b>	<b>Thu tiền sử dụng đất</b>	<b>500</b>	<b>695</b>	<b>854</b>	<b>1.150</b>	<b>171%</b>	<b>230%</b>	<b>165%</b>
<b>8</b>	<b>Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước</b>	<b>700</b>	<b>7.031</b>	<b>155</b>	<b>700</b>	<b>22%</b>	<b>100%</b>	<b>10%</b>
<b>9</b>	<b>Thu khác ngân sách</b>	<b>2.120</b>	<b>2.351</b>	<b>2.387</b>	<b>3.180</b>	<b>113%</b>	<b>150%</b>	<b>135%</b>
-	<i>Thu ngân sách trung ương hưởng</i>	<i>1.550</i>	<i>1.531</i>	<i>913</i>	<i>1.550</i>	<i>59%</i>	<i>100%</i>	<i>101%</i>
-	<i>Thu ngân sách tỉnh hưởng</i>			<i>56</i>	<i>60</i>			
-	<i>Ngân sách huyện hưởng</i>	<i>400</i>	<i>610</i>	<i>1.329</i>	<i>1.400</i>	<i>332%</i>	<i>350%</i>	<i>230%</i>
	<i>Ngân sách xã hưởng</i>	<i>170</i>	<i>210</i>	<i>90</i>	<i>170</i>	<i>53%</i>	<i>100%</i>	<i>81%</i>
<b>10</b>	<b>Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác</b>		<b>15</b>	<b>5</b>	<b>5</b>			<b>33%</b>
<b>II</b>	<b>Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên</b>	<b>731.651</b>	<b>659.560</b>	<b>575.990</b>	<b>793.352</b>	<b>79%</b>	<b>108%</b>	<b>120%</b>
1	Bổ sung cân đối	582.036	494.512	420.000	582.036	<b>72%</b>	100%	118%
2	Bổ sung có mục tiêu	149.615	165.048	155.990	211.316	<b>104%</b>	141%	128%
<b>III</b>	<b>Thu chuyển nguồn ngân sách</b>		<b>65.892</b>	<b>73.163</b>	<b>73.163</b>			
<b>IV</b>	<b>Thu kết dư ngân sách</b>		<b>301</b>	<b>5.014</b>	<b>5.014</b>			<b>1666%</b>
<b>V</b>	<b>Thu ngân sách cấp dưới nộp trả</b>		<b>47</b>					

**ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024**  
(kèm theo Báo cáo số 404/BC-UBND ngày 09/9/2024 của UBND huyện Tủa Chùa)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

Stt	NỘI DUNG	Dự toán huyện giao	Thực hiện năm 2023	Thực hiện tháng 8/2024	Ước thực hiện năm 2024	Tỷ lệ so sánh		
						TH/DT	ƯTH/DT	TH/Năm trước
A	B	1	2	3	4	4=3/1	6=4/1	5=4/2
	<b>TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG</b>	<b>747.081</b>	<b>744.279</b>	<b>437.275</b>	<b>889.870</b>	<b>59%</b>	<b>119%</b>	<b>120%</b>
<b>A</b>	<b>CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH</b>	<b>597.466</b>	<b>563.042</b>	<b>352.417</b>	<b>655.782</b>	<b>59%</b>	<b>110%</b>	<b>116%</b>
<b>1</b>	<b>CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN</b>	<b>18.459</b>	<b>21.535</b>	<b>5.161</b>	<b>18.459</b>	<b>28%</b>	<b>100%</b>	<b>86%</b>
-	Chi đầu tư XDCB vốn trong nước	18.009	20.836	5.161	18.009	29%	100%	86%
-	Chi đầu tư từ nguồn thu cấp quyền sử dụng đất	450			450	0%	100%	
-	Ghi thu bồi thường, giải phóng mặt bằng từ nguồn thu tiền thuê đất		699					
<b>2</b>	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>561.244</b>	<b>541.507</b>	<b>347.256</b>	<b>637.323</b>	<b>62%</b>	<b>114%</b>	<b>118%</b>
-	Chi quốc phòng	10.595	10.597	11.488	15.491	108%	146%	146%
-	Chi an ninh	6.808	5.896	4.140	8.508	61%	125%	144%
-	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	355.542	328.483	215.757	395.095	61%	111%	120%
-	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	450	522	370	450	82%	100%	86%
-	Trung tâm Văn hóa - Truyền thanh - Truyền hình	7.956	6.279	4.924	9.084	62%	114%	145%
-	Chi sự nghiệp môi trường	2.500	2.600	694	2.500	28%	100%	96%
-	Chi đảm bảo xã hội	28.934	30.607	19.367	36.360	67%	126%	119%
-	Chi sự nghiệp kinh tế	38.839	47.753	23.098	48.358	59%	125%	101%
-	Chi quản lý hành chính	108.785	108.136	66.617	120.642	61%	111%	112%
-	Hỗ trợ các đơn vị (Chi cục an ninh, Phòng giao dịch Ngân hàng CSXH)	835	635	800	835	96%	100%	131%
<b>3</b>	<b>Chi từ nguồn tăng thu trên địa bàn</b>	<b>730</b>			<b>730</b>	<b>0%</b>	<b>100%</b>	
<b>4</b>	<b>Dự phòng ngân sách (không cộng lên tổng số TH)</b>	<b>11.935</b>		<b>7.673,8</b>	<b>11.935</b>	<b>64%</b>	<b>100%</b>	
<b>5</b>	<b>Chi khác ngân sách (không cộng lên tổng số TH)</b>	<b>4.025</b>		<b>2.100</b>	<b>4.025</b>	<b>52%</b>	<b>100%</b>	
<b>6</b>	<b>Tiết kiệm 10% thực hiện CCTL (không cộng lên tổng số TH)</b>	<b>1.073</b>			<b>1.073</b>	<b>0%</b>	<b>100%</b>	
<b>B</b>	<b>CHI CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA</b>	<b>149.129</b>	<b>97.724</b>	<b>84.858</b>	<b>233.602</b>	<b>57%</b>	<b>157%</b>	<b>239%</b>
<b>I</b>	<b>CHƯƠNG TRÌNH GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG</b>	<b>54.750</b>	<b>32.496</b>	<b>29.803</b>	<b>72.816</b>	<b>54%</b>	<b>133%</b>	<b>224%</b>
<b>1</b>	<b>VỐN ĐẦU TƯ</b>	<b>19.500</b>	<b>7.592</b>	<b>11.445</b>	<b>22.967</b>	<b>59%</b>	<b>118%</b>	<b>303%</b>
	Đầu tư cơ sở hạ tầng huyện nghèo	19.500	7.592	11.445	22.967	59%	118%	303%
<b>2</b>	<b>VỐN SỰ NGHIỆP</b>	<b>35.250</b>	<b>24.904</b>	<b>18.357</b>	<b>49.849</b>	<b>52%</b>	<b>141%</b>	<b>200%</b>
-	Dự án 1: HT đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo	5.056	4.197	450	5.072	9%	100%	121%
-	Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo	8.004	6.311	8.411	13.506	105%	169%	214%
-	Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng	5.146	4.543	4.213	6.991	82%	136%	154%
-	Dự án 4: Phát triển giáo dục, việc làm bền vững	2.896		93	9.450	3%	326%	
-	Dự án 5: Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo	11.640	7.360	4.710	11.640	40%	100%	158%
-	Dự án 6: Truyền thông và giám nghèo về thông tin	1.488	1.334		2.041	0%	137%	153%
-	Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình	1.020	1.158	481	1.149	47%	113%	99%
<b>II</b>	<b>CHƯƠNG TRÌNH XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI</b>	<b>6.830</b>	<b>19.976</b>	<b>4.306</b>	<b>8.996</b>	<b>63%</b>	<b>132%</b>	<b>45%</b>
<b>1</b>	<b>VỐN ĐẦU TƯ</b>	<b>4.690</b>	<b>17.736</b>	<b>4.165</b>	<b>5.953</b>	<b>89%</b>	<b>127%</b>	34%
	Đầu tư cơ sở hạ tầng huyện nghèo	4.690	17.736	4.165	5.953	89%	127%	34%
<b>2</b>	<b>VỐN SỰ NGHIỆP</b>	<b>2.140</b>	<b>2.239</b>	<b>141</b>	<b>3.043</b>	<b>7%</b>	<b>142%</b>	<b>136%</b>
-	Hỗ trợ theo hệ số phân bổ	70	773		77	0%	110%	
-	Nội dung thành phần số 03	700	462	72	1.561			
+	Nội dung 02: Xây dựng và phát triển hiệu quả các vùng nguyên liệu tập trung, chuyển đổi cơ cấu sản xuất, góp phần thúc đẩy chuyển đổi số trong nông nghiệp				300			
+	Nội dung 04: Triển khai Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) gắn với lợi thế vùng miền	300	400	72	523			
+	Nội dung 08: Thực hiện hiệu quả Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới	400	62		738			
-	Nội dung thành phần số 06	330	622	30	340			
	Nội dung 01: Nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở; tăng cường nâng cao chất lượng hoạt động văn hóa, thể thao nông thôn, gắn với các tổ chức cộng đồng, đáp ứng nhu cầu vui chơi, giải trí, nâng cao sức khỏe cho người dân (nhất là trẻ em, phụ nữ và người cao tuổi)	330	622	30	340			
-	Nội dung thành phần số 07	550	-	39	550			
+	Nội dung 05: Giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn Việt Nam; tập trung phát triển các mô hình thôn, xóm sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn; khu dân cư kiểu mẫu	400			400			

	Nội dung 07: Triển khai hiệu quả Chương trình “Tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng NTM giai đoạn 2021 - 2025”	150		39	150			
-	<b>Nội dung thành phần số 08</b>	-	<b>198</b>	-	-			
	Nội dung 1: Triển khai đề án về đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, năng lực quản lý hành chính, quản lý kinh tế xã hội chuyên sâu, chuyển đổi tư duy về PTKT nông thôn cho cán bộ, công chức xã theo quy định, đáp ứng yêu cầu xây dựng NTM		198					
-	<b>Nội dung thành phần số 09</b>	<b>300</b>	-	-	<b>300</b>			
+	Nội dung 02: Triển khai hiệu quả phong trào “Nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững”; xây dựng các Chi hội nông dân nghề nghiệp, Tổ hội nông dân nghề nghiệp	100			100			
+	Nội dung 03: Triển khai hiệu quả Đề án “Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2017-2025”	100			100			
+	Nội dung 04: Thúc đẩy chương trình khởi nghiệp, thanh niên làm kinh tế; triển khai hiệu quả Chương trình trí thức trẻ tình nguyện tham gia xây dựng NTM	100			100			
-	<b>Nội dung thành phần số 11</b>	<b>190</b>	<b>184</b>	-	<b>216</b>			
+	Nội dung 01: Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình; xây dựng hệ thống giám sát, đánh giá đồng bộ, toàn diện đáp ứng yêu cầu quản lý Chương trình, đặc biệt xây dựng hệ thống giám sát thông qua bản đồ số và cơ sở dữ liệu; nhân rộng mô hình giám sát an ninh hiện đại và giám sát của cộng đồng	140	184		166			
+	Nội dung 04: Đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, năng lực quản lý hành chính, quản lý kinh tế xã hội chuyên sâu, chuyển đổi tư duy về PTKT nông thôn cho cán bộ, công chức xã theo quy định, đáp ứng yêu cầu xây dựng NTM; thực hiện có hiệu quả công tác truyền thông về xây dựng NTM	50			50			
<b>III</b>	<b>CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI</b>	<b>87.549</b>	<b>45.252</b>	<b>50.749</b>	<b>151.790</b>	<b>58%</b>	<b>173%</b>	<b>335%</b>
<b>1</b>	<b>VỐN ĐẦU TƯ</b>	<b>42.953</b>	<b>13.748</b>	<b>26.656</b>	<b>85.253</b>	<b>62%</b>	<b>198%</b>	<b>620%</b>
	Đầu tư cơ sở hạ tầng vùng nghèo	42.953	13.748	26.656	85.253	62%	198%	620%
<b>2</b>	<b>VỐN SỰ NGHIỆP</b>	<b>44.596</b>	<b>31.504</b>	<b>24.093</b>	<b>66.537</b>	<b>54%</b>	<b>149%</b>	<b>211%</b>
-	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, đất sản xuất và nước sinh hoạt	7.007	5.085	4	7.161	0%	102%	
-	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị	22.668	13.978	21.981	35.266	97%	156%	252%
-	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực	3.944	3.362	1.454	3.954	37%	100%	118%
-	Dự án 5: Phát triển giáo dục nâng cao chất lượng nguồn lực	4.883	4.187	386	11.926	8%	244%	285%
-	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch (sự nghiệp văn hóa thông tin)	1.832	1.304	161	1.958	9%	107%	
-	Dự án 8: Thực hiện bình đẳng và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em	1.869	2.175		2.914	0%	156%	
-	Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn	733	718	82	764	11%	104%	
-	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào DTTS&MN, kiểm tra giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện chương trình	1.660	695	26	2.596	2%	156%	374%
<b>C</b>	<b>CHI THỰC HIỆN MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ KHÁC</b>	<b>486</b>	<b>411</b>	-	<b>486</b>	<b>0%</b>	<b>100%</b>	<b>118%</b>
1	Kinh phí quản lý bảo trì đường bộ		235		-			
2	Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững	394	162		394	0%	100%	243%
3	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ đảm bảo trật tự an toàn giao thông	92	14		92	0%	100%	657%
<b>D</b>	<b>CHI NỢP TRẢ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN</b>		<b>9.939</b>		-			<b>0%</b>
<b>E</b>	<b>CHI CHUYỂN NGUỒN NGÂN SÁCH</b>		<b>73.163</b>					<b>0%</b>



**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024 CỦA UBND CÁC XÃ, THỊ TRẤN**

(kèm theo Báo cáo số 404 /BC-UBND ngày 09 /9/2024 của UBND huyện Tủa Chùa)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

Stt	Tên đơn vị	Dự toán năm 2024			Thực hiện 8 tháng năm 2024				Ước thực hiện cả năm 2024				So sánh (%) TH			So sánh (%) Ước TH		
		Tổng số	Bao gồm		Tổng số	Bao gồm			Tổng số	Bao gồm			Tổng số	Bao gồm		Tổng số	Bao gồm	
			Thu trên địa bàn	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên		Thu trên địa bàn	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	Thu chuyển nguồn		Thu trên địa bàn	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	Thu chuyển nguồn		Thu trên địa bàn	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên			
A	B	1=2+3	2	3	4= 5+6+7	5	6	7	8	9	10	11	12=4/1	13=5/2	14=6/3	15=8/1	16=9/2	15=10/3
	<b>Tổng số</b>	<b>134.864</b>	<b>810</b>	<b>134.054</b>	<b>94.294</b>	<b>923</b>	<b>76.334</b>	<b>17.037</b>	<b>152.200</b>	<b>1.110</b>	<b>134.054</b>	<b>17.037</b>	<b>70%</b>	<b>114%</b>	<b>57%</b>	<b>113%</b>	<b>137%</b>	<b>100%</b>
1	UBND Thị trấn Tủa chùa	13.215	500	12.715	7.738	781	6.200	758	14.273	800	12.715	758	59%	156%	49%	108%	160%	100%
2	UBND xã Mường Báng	12.047	30	12.017	10.414	9	10.150	256	12.303	30	12.017	256	86%	30%	84%	102%	100%	100%
3	UBND xã Xá Nhè	13.333	50	13.283	9.785	30	7.021	2.733	16.066	50	13.283	2.733	73%	61%	53%	120%	100%	100%
4	UBND xã Mường Đun	10.440	22	10.418	7.113	20	6.785	308	10.748	22	10.418	308	68%	93%	65%	103%	100%	100%
5	UBND xã Tủa Thàng	10.988	22	10.966	7.745	5	5.121	2.619	13.607	22	10.966	2.619	70%	23%	47%	124%	100%	100%
6	UBND xã Huổi Sỏ	9.312	22	9.290	6.467	4	5.931	531	9.843	22	9.290	531	69%	20%	64%	106%	100%	100%
7	UBND xã Sính Phình	13.153	25	13.128	9.526	9	6.855	2.662	15.815	25	13.128	2.662	72%	35%	52%	120%	100%	100%
8	UBND xã Tả Phìn	10.614	22	10.592	7.204	14	5.800	1.390	12.004	22	10.592	1.390	68%	63%	55%	113%	100%	100%
9	UBND xã Trung Thu	9.903	20	9.883	7.242	13	4.928	2.301	12.204	20	9.883	2.301	73%	65%	50%	123%	100%	100%
10	UBND xã Tả Sìn Thàng	9.857	50	9.807	6.849	27	5.570	1.252	11.109	50	9.807	1.252	69%	54%	57%	113%	100%	100%
11	UBND xã Lao Xá Phình	10.043	20	10.023	6.396	2	6.000	394	10.437	20	10.023	394	64%	10%	60%	104%	100%	100%
12	UBND xã Sín Chải	11.960	27	11.933	7.814	9	5.973	1.832	13.792	27	11.933	1.832	65%	33%	50%	115%	100%	100%

**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024 CỦA UBND CÁC XÃ, THỊ TRẤN**

(kèm theo Báo cáo số 404/BC-UBND ngày 09/9/2024 của UBND huyện Tủa Chùa)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

STT	Tên đơn vị	Dự toán năm 2024			Thực hiện 8 tháng năm 2024			Ước thực hiện cả năm 2024			So sánh (%) Thực hiện			So sánh (%) ước thực		
		Tổng số	Bao gồm		Tổng số	Bao gồm		Tổng số	Bao gồm		Tổng số	Bao gồm		Tổng số	Bao gồm	
			Các khoản chi cân đối	Chi chương trình mục tiêu		Các khoản chi cân đối	Chi chương trình mục tiêu		Các khoản chi cân đối	Chi chương trình mục tiêu		Các khoản chi cân đối	Chi chương trình mục tiêu			
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	7=4/1	8=5/2	9=6/3	13=7/1	14=8/2	15=9/3
	<b>Tổng số</b>	<b>134.054</b>	<b>78.013</b>	<b>56.041</b>	<b>77.201</b>	<b>45.027</b>	<b>32.174</b>	<b>152.200</b>	<b>80.026</b>	<b>72.174</b>	<b>58%</b>	<b>58%</b>	<b>57%</b>	<b>114%</b>	<b>103%</b>	<b>129%</b>
1	UBND Thị trấn Tủa chùa	12.715	10.051	2.664	6.094	4.676	1.418	14.273	11.019	3.254	48%	47%	53%	112%	110%	122%
2	UBND xã Mường Báng	12.017	6.880	5.137	7.975	4.669	3.306	12.303	6.979	5.324	66%	68%	64%	102%	101%	104%
3	UBND xã Xá Nhè	13.283	7.005	6.278	7.784	4.043	3.740	16.066	7.126	8.940	59%	58%	60%	121%	102%	142%
4	UBND xã Mường Đun	10.418	5.998	4.420	5.647	3.413	2.234	10.748	6.067	4.681	54%	57%	51%	103%	101%	106%
5	UBND xã Tủa Thàng	10.966	6.168	4.798	8.880	3.523	5.357	13.607	6.243	7.364	81%	57%	112%	124%	101%	153%
6	UBND xã Huổi Sớ	9.290	5.442	3.848	5.529	3.356	2.174	9.843	5.517	4.326	60%	62%	56%	106%	101%	112%
7	UBND xã Sính Phình	13.128	6.845	6.283	6.181	4.109	2.072	15.815	6.897	8.918	47%	60%	33%	120%	101%	142%
8	UBND xã Tả Phìn	10.592	6.166	4.426	5.646	3.825	1.821	12.004	6.281	5.723	53%	62%	41%	113%	102%	129%
9	UBND xã Trung Thu	9.883	5.714	4.169	6.940	3.239	3.701	12.204	5.882	6.322	70%	57%	89%	123%	103%	152%
10	UBND xã Tả Sìn Thàng	9.807	5.673	4.134	5.460	3.459	2.001	11.109	5.779	5.330	56%	61%	48%	113%	102%	129%
11	UBND xã Lao Xá Phình	10.023	5.598	4.425	5.033	3.022	2.011	10.437	5.710	4.727	50%	54%	45%	104%	102%	107%
12	UBND xã Sín Chải	11.933	6.474	5.459	6.031	3.692	2.338	13.792	6.526	7.266	51%	57%	43%	116%	101%	133%

**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN GIAO THU NGÂN SÁCH CỦA CÁC ĐƠN VỊ,  
UBND CÁC XÃ, THỊ TRẤN NĂM 2024**

(kèm theo Báo cáo số 404 /BC-UBND ngày 09 /9/2024 của UBND huyện Tủa Chùa)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

TT	NỘI DUNG	Dự toán giao	Thực hiện 8 tháng năm 2024	Tỷ lệ TH/DT
<b>1</b>	<b>Phòng Tài chính - Kế hoạch</b>	<b>100</b>	<b>434</b>	<b>434%</b>
<b>2</b>	<b>Phòng Kinh tế và Hạ tầng</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>138%</b>
	Lệ phí xây dựng, thu khác	2	3	138%
<b>3</b>	<b>Trung tâm Văn hóa - Truyền thanh - Truyền hình</b>	<b>40</b>	<b>41</b>	<b>103%</b>
	Phí Hang động xã Xá Nhè	40	41	103%
<b>4</b>	<b>Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp</b>	<b>25</b>	<b>14</b>	<b>58%</b>
	Phí giết mổ gia súc, phí khác	25	14	58%
<b>5</b>	<b>Công an huyện</b>	<b>1.450</b>	<b>1.007</b>	<b>69%</b>
	Thu phạt vi phạm hành chính, tịch thu khác, phí an toàn giao thông	1.450	1.007	69%
<b>6</b>	<b>UBND Thị trấn</b>	<b>500</b>	<b>781</b>	<b>156%</b>
	Các khoản phí, lệ phí, lệ phí môn bài, thu khác	500	781	156%
<b>7</b>	<b>UBND xã Mường Báng</b>	<b>30</b>	<b>9</b>	<b>30%</b>
	Các khoản phí, lệ phí, lệ phí môn bài, thu khác	30	9	30%
<b>8</b>	<b>UBND xã Xá Nhè</b>	<b>50</b>	<b>30</b>	<b>61%</b>
	Các khoản phí, lệ phí, lệ phí môn bài, thu khác	50	30	61%
<b>9</b>	<b>UBND xã Mường Đun</b>	<b>22</b>	<b>20</b>	<b>93%</b>
	Các khoản phí, lệ phí, lệ phí môn bài, thu khác	22	20	93%
<b>10</b>	<b>UBND xã Tủa Thàng</b>	<b>22</b>	<b>5</b>	<b>23%</b>
	Các khoản phí, lệ phí, lệ phí môn bài, thu khác	22	5	23%
<b>11</b>	<b>UBND xã Huổi Sớ</b>	<b>22</b>	<b>4</b>	<b>20%</b>
	Các khoản phí, lệ phí, lệ phí môn bài, thu khác	22	4	20%
<b>12</b>	<b>UBND xã Sính Phình</b>	<b>25</b>	<b>9</b>	<b>35%</b>
	Các khoản phí, lệ phí, lệ phí môn bài, thu khác	25	9	35%
<b>13</b>	<b>UBND xã Tả Phìn</b>	<b>22</b>	<b>14</b>	<b>63%</b>
	Các khoản phí, lệ phí, lệ phí môn bài, thu khác	22	14	63%
<b>14</b>	<b>UBND xã Trung Thu</b>	<b>20</b>	<b>13</b>	<b>65%</b>
	Các khoản phí, lệ phí, lệ phí môn bài, thu khác	20	13	65%
<b>15</b>	<b>UBND xã Tả Sìn Thàng</b>	<b>50</b>	<b>27</b>	<b>54%</b>
	Các khoản phí, lệ phí, lệ phí môn bài, thu khác	50	27	54%
<b>16</b>	<b>UBND xã Lao Xả Phình</b>	<b>20</b>	<b>2</b>	<b>10%</b>
	Các khoản phí, lệ phí, lệ phí môn bài, thu khác	20	2	10%
<b>17</b>	<b>UBND xã Sín Chải</b>	<b>27</b>	<b>9</b>	<b>33%</b>
	Các khoản phí, lệ phí, lệ phí môn bài, thu khác	27	9	33%
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.427</b>	<b>2.422</b>	<b>100%</b>

**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN GIẢI NGÂN VỐN SỰ NGHIỆP (03) CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN TỬA CHÙA**

*(kèm theo Báo cáo số 404 /BC-UBND ngày 09 /9/2024 của UBND huyện Tủa Chùa)*

*Đơn vị tính: Đồng.*

TT	Nội dung	Tổng dự toán giao năm 2024	Bao gồm			Thực hiện tháng 8	So sánh TDT/TH	Ghi chú
			Năm 2023 chuyển sang năm 2024	Dự toán giao đầu năm 2024	Dự toán điều chỉnh			
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>119.429.545.934</b>	<b>37.443.545.934</b>	<b>81.986.000.000</b>	<b>0</b>	<b>43.816.079.700</b>	<b>36,69%</b>	
<b>I</b>	<b>Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững</b>	<b>49.848.572.484</b>	<b>14.598.572.484</b>	<b>35.250.000.000</b>	<b>0</b>	<b>19.577.173.855</b>	<b>39,27%</b>	
<b>1</b>	<b>Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo</b>	<b>5.071.752.788</b>	<b>15.752.788</b>	<b>5.056.000.000</b>	<b>0</b>	<b>449.774.133</b>	<b>8,87%</b>	
<b>a</b>	<b>Tiểu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo</b>	<b>5.071.752.788</b>	<b>15.752.788</b>	<b>5.056.000.000</b>	<b>0</b>	<b>449.774.133</b>	<b>8,87%</b>	
-	UBND Thị Trấn	375.495.409	495.409	375.000.000			0,00%	
-	UBND xã Mường Báng	452.484.910	1.484.910	451.000.000		449.774.133	99,40%	
-	UBND xã Xá Nhè	416.120.892	3.120.892	413.000.000			0,00%	
-	UBND xã Mường Đùn	446.466.981	2.466.981	444.000.000			0,00%	
-	UBND xã Tủa Thàng	463.783.846	783.846	463.000.000			0,00%	
-	UBND xã Huổi số	421.708.563	2.708.563	419.000.000			0,00%	
-	UBND xã Sính Phình	413.551.044	551.044	413.000.000			0,00%	
-	UBND xã Tả Phìn	383.274.035	1.274.035	382.000.000			0,00%	
-	UBND xã Tả Sìn Thàng	369.785.158	785.158	369.000.000			0,00%	
-	UBND xã Trung Thu	432.771.864	771.864	432.000.000			0,00%	
-	UBND xã Sín Chải	476.342.000	342.000	476.000.000			0,00%	
-	UBND xã Lao Xá Phình	419.968.086	968.086	419.000.000			0,00%	
<b>2</b>	<b>Dự án 2: Đa dạng hoá sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo (sự nghiệp kinh tế)</b>	<b>13.506.475.791</b>	<b>5.502.475.791</b>	<b>8.004.000.000</b>	<b>0</b>	<b>9.245.577.960</b>	<b>68,45%</b>	
-	UBND Thị Trấn	331.120.000	18.120.000	313.000.000		325.950.000	98,44%	
-	UBND xã Mường Báng	732.036.750	36.750	732.000.000		688.416.000	94,04%	
-	UBND xã Xá Nhè	1.298.580.000	675.580.000	623.000.000		600.805.000	46,27%	
-	UBND xã Mường Đùn	682.773.996	13.773.996	669.000.000		638.880.000	93,57%	
-	UBND xã Tủa Thàng	1.744.000.000	1.046.000.000	698.000.000		1.724.990.200	98,91%	
-	UBND xã Huổi số	632.383.080	30.383.080	602.000.000		577.430.000	91,31%	
-	UBND xã Sính Phình	1.805.017.100	953.017.100	852.000.000		834.740.800	46,25%	
-	UBND xã Tả Phìn	1.254.928.388	724.928.388	530.000.000		465.390.000	37,08%	
-	UBND xã Tả Sìn Thàng	1.471.000.000	850.000.000	621.000.000		567.444.460	38,58%	
-	UBND xã Trung Thu	1.211.200.000	551.200.000	660.000.000		1.172.598.000	96,81%	
-	UBND xã Sín Chải	1.464.800.000	636.800.000	828.000.000		798.785.500	54,53%	
-	UBND xã Lao Xá Phình	878.636.477	2.636.477	876.000.000		850.148.000	96,76%	
<b>3</b>	<b>Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng</b>	<b>6.990.601.674</b>	<b>1.844.601.674</b>	<b>5.146.000.000</b>	<b>0</b>	<b>4.597.959.442</b>	<b>65,77%</b>	
<b>a</b>	<b>Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp (Sự nghiệp kinh tế)</b>	<b>5.555.798.154</b>	<b>1.827.798.154</b>	<b>3.728.000.000</b>	<b>0</b>	<b>4.350.963.442</b>	<b>78,31%</b>	
-	UBND Thị Trấn	431.140.000	285.140.000	146.000.000		426.100.000	98,83%	

-	UBND xã Mường Báng	342.154.550	154.550	342.000.000		321.336.000	93,92%	
-	UBND xã Xá Nhè	833.319.120	544.319.120	289.000.000		219.368.000	26,32%	
-	UBND xã Mường Đun	312.196.000	196.000	312.000.000		299.041.200	95,79%	
-	UBND xã Tủa Thàng	780.000.000	455.000.000	325.000.000		770.079.200	98,73%	
-	UBND xã Huổi số	299.000.000	19.000.000	280.000.000		268.940.000	89,95%	
-	UBND xã Sính Phình	397.001.200	1.200	397.000.000		385.056.000	96,99%	
-	UBND xã Tả Phìn	248.012.000	1.012.000	247.000.000		225.754.200	91,03%	
-	UBND xã Tả Sìn Thàng	416.571.000	127.571.000	289.000.000		274.985.842	66,01%	
-	UBND xã Trung Thu	554.600.000	247.600.000	307.000.000		533.599.000	96,21%	
-	UBND xã Sín Chải	531.900.000	145.900.000	386.000.000		234.328.000	44,05%	
-	UBND xã Lao Xá Phình	409.904.284	1.904.284	408.000.000		392.376.000	95,72%	
<b>b</b>	<b>Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng (Sự nghiệp y tế dân số và gia đình)</b>	<b>1.434.803.520</b>	<b>16.803.520</b>	<b>1.418.000.000</b>	<b>0</b>	<b>246.996.000</b>	<b>17,21%</b>	
	Phòng y tế	1.434.803.520	16.803.520	1.418.000.000		246.996.000	17,21%	
<b>4</b>	<b>Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững</b>	<b>9.449.918.204</b>	<b>6.553.918.204</b>	<b>2.896.000.000</b>	<b>0</b>	<b>93.337.600</b>	<b>0,99%</b>	
<b>a</b>	<b>Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn (sự nghiệp giáo dục)</b>	<b>6.479.918.204</b>	<b>4.381.918.204</b>	<b>2.098.000.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0,00%</b>	
-	Hỗ trợ cơ quan quản lý và các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập	2.581.000.000	2.581.000.000	0	0		0,00%	
+	Phòng Lao động Thường Bình và Xã hội	1.645.000.000	1.645.000.000				0,00%	
+	Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - GDTX	936.000.000	936.000.000				0,00%	
-	Hỗ trợ địa phương đào tạo nghề cho người lao động	3.898.918.204	1.800.918.204	2.098.000.000	0		0,00%	
	Trung tâm GDNN-GDTX huyện	3.898.918.204	1.800.918.204	2.098.000.000			0,00%	
<b>b</b>	<b>Tiểu dự án 2: Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng (sự nghiệp kinh tế)</b>	<b>1.520.000.000</b>	<b>1.171.000.000</b>	<b>349.000.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0,00%</b>	
	Phòng Lao động Thường Bình và Xã hội	1.520.000.000	1.171.000.000	349.000.000			0,00%	
<b>c</b>	<b>Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững (sự nghiệp kinh tế)</b>	<b>1.450.000.000</b>	<b>1.001.000.000</b>	<b>449.000.000</b>	<b>0</b>	<b>93.337.600</b>	<b>6,44%</b>	
	Phòng Lao động Thường Bình và Xã hội	1.450.000.000	1.001.000.000	449.000.000		93.337.600	6,44%	
<b>5</b>	<b>Dự án 5: Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo (sự nghiệp kinh tế)</b>	<b>11.640.000.000</b>	<b>0</b>	<b>11.640.000.000</b>	<b>0</b>	<b>4.710.000.000</b>	<b>40,46%</b>	
-	UBND Thị Trấn	140.000.000	0	455.000.000	-315.000.000	140.000.000	100,00%	
-	UBND xã Mường Báng	1.440.000.000	0	1.065.000.000	375.000.000	1.008.000.000	70,00%	
-	UBND xã Xá Nhè	2.120.000.000	0	903.000.000	1.217.000.000	1.832.000.000	86,42%	
-	UBND xã Mường Đun	580.000.000	0	974.000.000	-394.000.000		0,00%	
-	UBND xã Tủa Thàng	740.000.000	0	1.016.000.000	-276.000.000	490.000.000	66,22%	
-	UBND xã Huổi số	620.000.000	0	875.000.000	-255.000.000	420.000.000	67,74%	
-	UBND xã Sính Phình	400.000.000	0	1.240.000.000	-840.000.000	324.000.000	81,00%	
-	UBND xã Tả Phìn	640.000.000	0	770.000.000	-130.000.000		0,00%	
-	UBND xã Tả Sìn Thàng	400.000.000	0	903.000.000	-503.000.000	276.000.000	69,00%	
-	UBND xã Trung Thu	360.000.000	0	959.000.000	-599.000.000		0,00%	
-	UBND xã Sín Chải	300.000.000	0	1.205.000.000	-905.000.000	220.000.000	73,33%	
-	UBND xã Lao Xá Phình	0	0	1.275.000.000	-1.275.000.000			
-	Thu hồi về ngân sách huyện	3.900.000.000	0		3.900.000.000		0,00%	

<b>6</b>	<b>Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin</b>	<b>2.040.959.065</b>	<b>552.959.065</b>	<b>1.488.000.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0%</b>
<b>a</b>	<b>Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin</b>	<b>1.477.690.517</b>	<b>317.690.517</b>	<b>1.160.000.000</b>	<b>0</b>		<b>0%</b>
-	Phòng Văn hóa và Thông tin huyện	1.477.690.517	317.690.517	1.160.000.000			0%
-	Trung tâm Văn hóa - TT-TH huyện	0	0				
<b>b</b>	<b>Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều</b>	<b>563.268.548</b>	<b>235.268.548</b>	<b>328.000.000</b>	<b>0</b>		<b>0%</b>
-	Phòng Lao động Thường Bình và Xã hội	563.169.548	235.169.548	328.000.000			0%
-	Trung tâm Văn hóa - TT-TH huyện	99.000	99.000				0%
<b>7</b>	<b>Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình</b>	<b>1.148.864.962</b>	<b>128.864.962</b>	<b>1.020.000.000</b>	<b>0</b>	<b>480.524.720</b>	<b>41,83%</b>
<b>a</b>	<b>Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình</b>	<b>639.395.000</b>	<b>395.000</b>	<b>639.000.000</b>	<b>0</b>	<b>480.524.720</b>	<b>75,15%</b>
-	Phòng Lao động Thường Bình và Xã hội	639.395.000	395.000	639.000.000		480.524.720	75,15%
<b>b</b>	<b>Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá</b>	<b>509.469.962</b>	<b>128.469.962</b>	<b>381.000.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0,00%</b>
-	Phòng Lao động Thường Bình và Xã hội	365.487.600	104.487.600	261.000.000			0,00%
-	UBND Thị Trấn	10.000.000	0	10.000.000			0,00%
-	UBND xã Mường Báng	10.096.600	96.600	10.000.000			0,00%
-	UBND xã Xá Nhè	10.007.760	7.760	10.000.000			0,00%
-	UBND xã Mường Đùn	20.000.000	10.000.000	10.000.000			0,00%
-	UBND xã Tủa Thàng	10.000.000	0	10.000.000			0,00%
-	UBND xã Huổi số	10.000.000	0	10.000.000			0,00%
-	UBND xã Sính Phình	10.009.282	9.282	10.000.000			0,00%
-	UBND xã Tả Phìn	10.000.720	720	10.000.000			0,00%
-	UBND xã Tả Sin Thàng	10.000.000	0	10.000.000			0,00%
-	UBND xã Trung Thu	20.000.000	10.000.000	10.000.000			0,00%
-	UBND xã Sín Chải	10.168.000	168.000	10.000.000			0,00%
-	UBND xã Lao Xá Phình	13.700.000	3.700.000	10.000.000			0,00%
<b>II</b>	<b>Chương trình MTQG Phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi</b>	<b>66.537.363.490</b>	<b>21.941.363.490</b>	<b>44.596.000.000</b>	<b>0</b>	<b>24.097.720.245</b>	<b>36,22%</b>
<b>1</b>	<b>Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất và nước sinh hoạt</b>	<b>7.160.915.000</b>	<b>153.915.000</b>	<b>7.007.000.000</b>	<b>0</b>	<b>8.347.000</b>	<b>0,12%</b>
<b>a</b>	<b>Hỗ trợ chuyển đổi nghề (sự nghiệp giáo dục)</b>	<b>117.000.000</b>	<b>117.000.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0,00%</b>
-	Phòng Dân tộc huyện	117.000.000	117.000.000				0,00%
-	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	0	0				
<b>b</b>	<b>Hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán (sự nghiệp kinh tế)</b>	<b>7.043.915.000</b>	<b>36.915.000</b>	<b>7.007.000.000</b>	<b>0</b>	<b>8.347.000</b>	<b>0,12%</b>
-	Phòng Dân tộc huyện	36.915.000	36.915.000				0,00%
-	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	0	0	0			
-	UBND Thị Trấn	580.000.000	0	580.000.000			0,00%
-	UBND xã Mường Báng	700.000.000	0	700.000.000			0,00%
-	UBND xã Xá Nhè	1.700.000.000	0	1.700.000.000			0,00%
-	UBND xã Mường Đùn	420.000.000	0	420.000.000			0,00%
-	UBND xã Tủa Thàng	500.000.000	0	500.000.000		4.675.000	0,94%
-	UBND xã Huổi số	240.000.000	0	240.000.000			0,00%
-	UBND xã Sính Phình	847.000.000	0	847.000.000			0,00%
-	UBND xã Tả Phìn	700.000.000	0	700.000.000			0,00%
-	UBND xã Tả Sin Thàng	520.000.000	0	520.000.000		3.672.000	0,71%
-	UBND xã Trung Thu	200.000.000	0	200.000.000			0,00%
-	UBND xã Sín Chải	400.000.000	0	400.000.000			0,00%
-	UBND xã Lao Xá Phình	200.000.000	0	200.000.000			0,00%

<b>2</b>	<b>Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị</b>	35.265.868.491	<b>12.597.868.491</b>	<b>22.668.000.000</b>	<b>0</b>	<b>21.980.878.586</b>	<b>62,33%</b>
<b>a</b>	<b>Tiểu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân (sự nghiệp kinh tế)</b>	5.018.530.420	<b>4.014.530.420</b>	<b>1.004.000.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0,00%</b>
-	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	929.500.000	929.500.000				0,00%
-	UBND Thị Trấn	319.000.000	280.000.000	39.000.000			0,00%
-	UBND xã Mường Báng	246.979.220	158.979.220	88.000.000			0,00%
-	UBND xã Xá Nhè	329.451.300	212.451.300	117.000.000			0,00%
-	UBND xã Mường Đùn	278.000.000	200.000.000	78.000.000			0,00%
-	UBND xã Tủa Thàng	288.000.000	200.000.000	88.000.000			0,00%
-	UBND xã Huổi số	468.000.000	400.000.000	68.000.000			0,00%
-	UBND xã Sính Phình	526.000.000	400.000.000	126.000.000			0,00%
-	UBND xã Tả Phìn	187.922.250	99.922.250	88.000.000			0,00%
-	UBND xã Tả Sìn Thàng	248.013.250	180.013.250	68.000.000			0,00%
-	UBND xã Trung Thu	363.000.000	285.000.000	78.000.000			0,00%
-	UBND xã Sín Chải	507.000.000	400.000.000	107.000.000			0,00%
-	UBND xã Lao Xá Phình	327.664.400	268.664.400	59.000.000			0,00%
<b>b</b>	<b>Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS&amp;MN (sự nghiệp kinh tế)</b>	30.247.338.071	<b>8.583.338.071</b>	<b>21.664.000.000</b>	<b>0</b>	<b>21.980.878.586</b>	<b>72,67%</b>
-	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	5.157.210.360	157.210.360	5.000.000.000		3.244.414.500	62,91%
-	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp	5.977.651.100	2.977.651.100	3.000.000.000		5.639.564.500	94,34%
-	UBND Thị Trấn	534.506.000	4.506.000	530.000.000		525.920.000	98,39%
-	UBND xã Mường Báng	1.193.000.000	0	1.193.000.000		463.627.800	38,86%
-	UBND xã Xá Nhè	2.815.060.000	1.223.060.000	1.592.000.000		629.222.296	22,35%
-	UBND xã Mường Đùn	1.075.687.500	13.687.500	1.062.000.000		990.360.000	92,07%
-	UBND xã Tủa Thàng	2.047.000.000	854.000.000	1.193.000.000		2.027.510.000	99,05%
-	UBND xã Huổi số	936.000.000	7.000.000	929.000.000		907.277.000	96,93%
-	UBND xã Sính Phình	2.981.000.000	1.256.000.000	1.725.000.000		1.717.988.900	57,63%
-	UBND xã Tả Phìn	1.663.560.014	469.560.014	1.194.000.000		1.107.710.800	66,59%
-	UBND xã Tả Sìn Thàng	933.635.500	4.635.500	929.000.000		878.843.290	94,13%
-	UBND xã Trung Thu	2.068.000.000	1.006.000.000	1.062.000.000		1.994.710.500	96,46%
-	UBND xã Sín Chải	2.069.000.000	610.000.000	1.459.000.000		1.085.326.000	52,46%
-	UBND xã Lao Xá Phình	796.027.597	27.597	796.000.000		768.403.000	96,53%
<b>3</b>	<b>Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&amp;MN và các đơn vị sự nghiệp công nghiệp của lĩnh vực</b>	3.953.793.600	<b>9.793.600</b>	<b>3.944.000.000</b>	<b>0</b>	<b>1.454.097.459</b>	<b>36,78%</b>
<b>a</b>	<b>Tiểu dự án 1: Đầu tư CSHT thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&amp;MN (sự nghiệp kinh tế)</b>	3.953.793.600	<b>9.793.600</b>	<b>3.944.000.000</b>	<b>0</b>	<b>1.454.097.459</b>	<b>36,78%</b>
-	UBND Thị Trấn	153.314.270	314.270	153.000.000			0,00%
-	UBND xã Mường Báng	345.429.000	429.000	345.000.000		344.755.905	99,81%
-	UBND xã Xá Nhè	461.692.284	2.692.284	459.000.000		458.833.607	99,38%
-	UBND xã Mường Đùn	306.397.119	397.119	306.000.000		305.774.656	99,80%

-	UBND xã Tủa Thàng	346.253.611	1.253.611	345.000.000		344.733.291	99,56%
-	UBND xã Huổi số	269.905.111	1.905.111	268.000.000			0,00%
-	UBND xã Sính Phình	498.292.810	292.810	498.000.000			0,00%
-	UBND xã Tả Phìn	345.249.743	249.743	345.000.000			0,00%
-	UBND xã Tả Sìn Thàng	268.591.777	591.777	268.000.000			0,00%
-	UBND xã Trung Thu	306.524.337	524.337	306.000.000			0,00%
-	UBND xã Sín Chải	421.179.484	179.484	421.000.000			0,00%
-	UBND xã Lao Xá Phình	230.964.054	964.054	230.000.000			0,00%
<b>4</b>	<b>Dự án 5: Phát triển giáo dục nâng cao chất lượng nguồn nhân lực</b>	<b>11.925.511.287</b>	<b>7.042.511.287</b>	<b>4.883.000.000</b>	<b>0</b>	<b>385.720.000</b>	<b>3,23%</b>
<b>a</b>	Tiểu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc, đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào DTTS&MN ( <i>sự nghiệp giáo dục</i> )	816.568.300	119.568.300	697.000.000	0	0	0,00%
-	Phòng Nội vụ huyện	793.648.300	96.648.300	697.000.000			0,00%
-	Phòng Dân tộc huyện	22.920.000	22.920.000				0,00%
<b>b</b>	<b>Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng DTTS&amp;MN (<i>sự nghiệp giáo dục</i>)</b>	<b>11.108.942.987</b>	<b>6.922.942.987</b>	<b>4.186.000.000</b>	<b>0</b>	<b>385.720.000</b>	<b>3,47%</b>
-	Phòng Lao động và Thương binh xã hội	2.729.747.950	2.729.747.950				0,00%
-	Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - GDTX	8.379.195.037	4.193.195.037	4.186.000.000		385.720.000	4,60%
<b>5</b>	<b>Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch (<i>sự nghiệp văn hóa thông tin</i>)</b>	<b>1.957.815.086</b>	<b>125.815.086</b>	<b>1.832.000.000</b>	<b>0</b>	<b>160.800.000</b>	<b>8,21%</b>
-	Phòng Văn hóa - Thông tin huyện	1.957.720.086	125.720.086	1.832.000.000		160.800.000	8,21%
-	UBND xã Mường Báng	95.000	95.000				0,00%
<b>6</b>	<b>Dự án 8: Thực hiện bình đẳng và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em</b>	<b>2.913.841.798</b>	<b>1.044.841.798</b>	<b>1.869.000.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0,00%</b>
<b>a</b>	<b>Sự nghiệp kinh tế</b>	<b>499.000.000</b>	<b>499.000.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0,00%</b>
-	Hội liên hiệp phụ nữ	499.000.000	499.000.000				0,00%
<b>b</b>	<b>Đảm bảo xã hội</b>	<b>2.414.841.798</b>	<b>545.841.798</b>	<b>1.869.000.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0,00%</b>
-	Hội liên hiệp phụ nữ	1.320.541.100	370.541.100	950.000.000			0,00%
-	UBND Thị Trấn	44.168.200	1.168.200	43.000.000			0,00%
-	UBND xã Mường Báng	79.564.474	18.564.474	61.000.000			0,00%
-	UBND xã Xá Nhè	82.570.000	570.000	82.000.000			0,00%
-	UBND xã Mường Đun	99.834.331	19.834.331	80.000.000			0,00%
-	UBND xã Tủa Thàng	88.574.960	8.574.960	80.000.000			0,00%
-	UBND xã Huổi số	96.713.600	14.713.600	82.000.000			0,00%
-	UBND xã Sính Phình	110.439.000	25.439.000	85.000.000			0,00%
-	UBND xã Tả Phìn	80.273.800	273.800	80.000.000			0,00%
-	UBND xã Tả Sìn Thàng	105.535.000	23.535.000	82.000.000			0,00%
-	UBND xã Trung Thu	110.933.200	30.933.200	80.000.000			0,00%
-	UBND xã Sín Chải	90.900.000	8.900.000	82.000.000			0,00%
-	UBND xã Lao Xá Phình	104.794.133	22.794.133	82.000.000			0,00%



7	Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn	763.781.228	30.781.228	733.000.000	0	82.357.200	10,78%
a	Tiểu dự án 1: Đầu tư tạo sinh kế bền vững, phát triển kinh tế - xã hội nhóm dân tộc thiểu số còn gặp nhiều khó khăn, có đặc thù (SNVHTT)	0	0				
b	Tiểu dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (đảm bảo xã hội)	763.724.880	30.724.880	733.000.000	0	82.357.200	10,78%
-	Phòng Dân tộc	422.820.200	14.820.200	408.000.000		30.000.000	7,10%
-	UBND Thị Trấn	10.059.600	59.600	10.000.000			0,00%
-	UBND xã Mường Báng	30.146.800	146.800	30.000.000		29.857.200	99,04%
-	UBND xã Xá Nhè	40.000.000	0	40.000.000			0,00%
-	UBND xã Mường Đun	15.386.480	386.480	15.000.000			0,00%
-	UBND xã Tủa Thàng	30.000.000	0	30.000.000			0,00%
-	UBND xã Huổi số	25.078.000	78.000	25.000.000			0,00%
-	UBND xã Sính Phình	40.112.000	112.000	40.000.000			0,00%
-	UBND xã Tả Phìn	30.030.000	30.000	30.000.000		22.500.000	74,93%
-	UBND xã Tả Sin Thàng	33.810.800	8.810.800	25.000.000			0,00%
-	UBND xã Trung Thu	31.040.000	6.040.000	25.000.000			0,00%
-	UBND xã Sín Chải	35.000.000	0	35.000.000			0,00%
-	UBND xã Lao Xá Phình	20.241.000	241.000	20.000.000			0,00%
c	Tiểu dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (sự nghiệp kinh tế)	56.348	56.348	0	0	0	0,00%
	Phòng Dân tộc	56.348	56.348				0,00%
8	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào DTTS&MN. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình	2.595.837.000	935.837.000	1.660.000.000	0	25.520.000	0,98%
a	Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 (sự nghiệp văn hóa thông tin)	1.002.606.500	476.606.500	526.000.000	0	0	0,00%
-	Trung tâm văn hóa - truyền thanh - truyền hình	476.606.500	476.606.500				0,00%
-	Phòng Dân tộc	260.000.000	0	260.000.000			0,00%
-	Phòng Tư pháp	266.000.000	0	266.000.000			0,00%
b	Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (sự nghiệp văn hóa thông tin)	1.161.000.000	285.000.000	876.000.000	0	0	0,00%
-	Trung tâm văn hóa - truyền thanh - truyền hình	285.000.000	285.000.000				0,00%

-	Phòng Văn hóa thông tin	876.000.000	0	876.000.000			0,00%
<b>c</b>	<b>Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình (sự nghiệp kinh tế)</b>	432.230.500	<b>174.230.500</b>	<b>258.000.000</b>	<b>0</b>	<b>25.520.000</b>	<b>5,90%</b>
-	Phòng Dân tộc	300.305.500	162.305.500	138.000.000		25.520.000	8,50%
-	UBND Thị Trấn	10.000.000	0	10.000.000			0,00%
-	UBND xã Mường Báng	10.000.000	0	10.000.000			0,00%
-	UBND xã Xá Nhè	10.003.200	3.200	10.000.000			0,00%
-	UBND xã Mường Đun	10.000.000	0	10.000.000			0,00%
-	UBND xã Tủa Thàng	10.000.000	0	10.000.000			0,00%
-	UBND xã Huổi số	11.920.000	1.920.000	10.000.000			0,00%
-	UBND xã Sính Phình	10.001.800	1.800	10.000.000			0,00%
-	UBND xã Tả Phìn	10.000.000	0	10.000.000			0,00%
-	UBND xã Tả Sin Thàng	10.000.000	0	10.000.000			0,00%
-	UBND xã Trung Thu	20.000.000	10.000.000	10.000.000			0,00%
-	UBND xã Sín Chải	10.000.000	0	10.000.000			0,00%
-	UBND xã Lao Xá Phình	10.000.000	0	10.000.000			0,00%
<b>III</b>	<b>Chương trình MTQG xây dựng Nông thôn mới</b>	3.043.609.960	<b>903.609.960</b>	<b>2.140.000.000</b>	<b>0</b>	<b>141.185.600</b>	<b>4,64%</b>
<b>1</b>	<b>Hỗ trợ theo hệ số phân bổ</b>	76.736.000	<b>6.736.000</b>	<b>70.000.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	0,00%
-	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	0	0				
-	UBND xã Mường Báng	76.736.000	6.736.000	70.000.000			0,00%
<b>2</b>	<b>Nội dung thành phần số 3</b>	1.560.571.000	<b>860.571.000</b>	<b>700.000.000</b>	<b>0</b>	<b>72.000.000</b>	<b>4,61%</b>
<b>a</b>	<b>Nội dung 02: Xây dựng và phát triển hiệu quả các vùng nguyên liệu tập trung, chuyển đổi cơ cấu sản xuất, góp phần thúc đẩy chuyển đổi số trong nông nghiệp</b>	<b>300.000.000</b>	<b>300.000.000</b>				<b>0,00%</b>
<b>b</b>	Nội dung 04: Triển khai Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) gắn với lợi thế vùng miền; phát triển tiêu thụ công nghiệp, ngành nghề và dịch vụ nông thôn, bảo tồn và phát huy các làng nghề truyền thống ở nông thôn.	522.900.000	222.900.000	300.000.000	0	72.000.000	13,77%
-	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	522.900.000	222.900.000	300.000.000		72.000.000	13,77%
<b>c</b>	<b>Nội dung 05: Nâng cao hiệu quả hoạt động của các hình thức tổ chức sản xuất (Hỗ trợ bồi dưỡng nguồn nhân lực phát triển HTX giai đoạn 2021-2025)</b>	<b>0</b>	<b>0</b>				
<b>d</b>	<b>Nội dung 06: Nâng cao hiệu quả hoạt động của các hệ thống kết nối, xúc tiến tiêu thụ nông sản</b>	<b>0</b>	<b>0</b>				

e	Nội dung 08: Thực hiện Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới	737.671.000	337.671.000	400.000.000			0,00%
3	<b>Nội dung thành phần số 6</b>	<b>340.435.000</b>	<b>10.435.000</b>	<b>330.000.000</b>	<b>0</b>	<b>30.000.000</b>	<b>8,81%</b>
-	<b>Nội dung 01: Nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở; tăng cường nâng cao chất lượng hoạt động văn hóa, thể thao nông thôn</b>	<b>340.435.000</b>	<b>10.435.000</b>	<b>330.000.000</b>	<b>0</b>	<b>30.000.000</b>	<b>8,81%</b>
+	Trung tâm Văn hóa - TT-TH	10.435.000	10.435.000				0,00%
+	UBND xã Mường Báng	30.000.000	0	30.000.000			0,00%
+	UBND xã Xá Nhè	30.000.000	0	30.000.000			0,00%
+	UBND xã Mường Đun	30.000.000	0	30.000.000			0,00%
+	UBND xã Tủa Thàng	30.000.000	0	30.000.000			0,00%
+	UBND xã Huổi số	30.000.000	0	30.000.000			0,00%
+	UBND xã Sính Phình	30.000.000	0	30.000.000		30.000.000	100,00%
+	UBND xã Tả Phìn	30.000.000	0	30.000.000			0,00%
+	UBND xã Tả Sìn Thàng	30.000.000	0	30.000.000			0,00%
+	UBND xã Trung Thu	30.000.000	0	30.000.000			0,00%
+	UBND xã Sín Chải	30.000.000	0	30.000.000			0,00%
+	UBND xã Lao Xá Phình	30.000.000	0	30.000.000			0,00%
4	<b>Nội dung thành phần số 7</b>	<b>550.000.000</b>	<b>0</b>	<b>550.000.000</b>	<b>0</b>	<b>39.185.600</b>	<b>7,12%</b>
a	<b>Nội dung 05: Giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn Việt Nam;tập trung phát triển các mô hình thôn, xóm sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn; khu dân cư kiểu mẫu</b>	<b>400.000.000</b>	<b>0</b>	<b>400.000.000</b>			<b>0,00%</b>
	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	400.000.000	0	400.000.000			0,00%
b	<b>Nội dung 07: Triển khai thực hiện hiệu quả Chương trình "Tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025"</b>	<b>150.000.000</b>	<b>0</b>	<b>150.000.000</b>	<b>0</b>	<b>39.185.600</b>	<b>26,12%</b>
	Phòng Tài nguyên và Môi trường	150.000.000	0	150.000.000		39.185.600	26,12%
5	<b>Nội dung thành phần số 8</b>	<b>185.600</b>	<b>185.600</b>	<b>0</b>	<b>0</b>		<b>0,00%</b>
a	<b>Nội dung 01: Triển khai đề án về đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, năng lực quản lý hành chính, quản lý kinh tế - xã hội chuyên sâu, chuyên đổi tư duy về phát triển kinh tế nông thôn cho cán bộ, công chức xã theo quy định, đáp ứng yêu cầu xây dựng NTM</b>	<b>185.600</b>	<b>185.600</b>				<b>0,00%</b>
6	<b>Nội dung thành phần số 9</b>	<b>300.000.000</b>	<b>0</b>	<b>300.000.000</b>	<b>0</b>		<b>0,00%</b>

a	Nội dung 01: nâng cao hiệu quả thực hiện công tác giám sát và phản biện xã hội trong xây dựng NTM; nâng cao hiệu quả việc lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng NTM	0	0				
b	Nội dung 02: Triển khai hiệu quả phong trào “Nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững”; xây dựng các Chi hội nông dân nghề nghiệp, Tổ hội nông dân nghề nghiệp	100.000.000	0	100.000.000			0,00%
	Hội Nông dân	100.000.000	0	100.000.000			0,00%
c	Nội dung 03: Triển khai hiệu quả Đề án “Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2017-2025”	100.000.000	0	100.000.000			0,00%
	Hội LH Phụ nữ	100.000.000	0	100.000.000			0,00%
d	Nội dung 04: Thúc đẩy chương trình khởi nghiệp, thanh niên làm kinh tế; triển khai hiệu quả Chương trình trí thức trẻ tình nguyện tham gia xây dựng NTM	100.000.000	0	100.000.000			0,00%
	Huyện đoàn	100.000.000	0	100.000.000			0,00%
7	Nội dung thành phần số 10	0	0	0	0		
	Nội dung 01: Tăng cường đảm bảo an ninh và trật tự xã hội nông thôn	0	0				
8	Nội dung thành phần số 11	215.682.360	25.682.360	190.000.000	0		0,00%
a	Nội dung 01: Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình	165.682.360	25.682.360	140.000.000	0		0,00%
-	Phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn	45.636.360	15.636.360	30.000.000			0,00%
-	UBND xã Mường Báng	10.046.000	46.000	10.000.000			0,00%
-	UBND xã Mường Đùn	10.000.000	0	10.000.000			0,00%
-	UBND xã Tủa Thàng	10.000.000	0	10.000.000			0,00%
-	UBND xã Xá Nhè	10.000.000	0	10.000.000			0,00%
-	UBND xã Huổi số	10.000.000	0	10.000.000			0,00%
-	UBND xã Sính Phình	10.000.000	0	10.000.000			0,00%
-	UBND xã Tả Phìn	10.000.000	0	10.000.000			0,00%
-	UBND xã Tả Sin Thàng	10.000.000	0	10.000.000			0,00%
-	UBND xã Trung Thu	15.000.000	5.000.000	10.000.000			0,00%
-	UBND xã Sín Chải	15.000.000	5.000.000	10.000.000			0,00%
-	UBND xã Lao Xá Phình	10.000.000	0	10.000.000			0,00%